THÍCH THANH TỪ

KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Giảng Giải



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

MỤC LỤC:

LỜI ĐẦU SÁCH 1
MỞ ĐẦU 3
PHẦN GIẢNG GIẢI 7

LỜI ĐẦU SÁCH

Đạo Phật là đạo giác ngộ, toàn bộ giáo lý của Phật dạy đều nhằm đánh thức con người sớm được giác ngộ. Mê lầm là cội nguồn đau khổ, chỉ có giác ngộ mới cứu được mọi khổ đau của chúng sanh. Để cứu khổ chúng sanh, ngài An Thế Cao người nước An Tức sang Trung Hoa vào đời Hán Hoàn Đế ở kinh đô Lạc Dương, trước tiên trích dịch Tám điều giác ngộ biên thành quyển kinh Bát Đại Nhân Giác này.

Chỉ cần Tám điều giác ngộ ở đây, người Phật tử khéo ứng dụng tu hành sẽ tan biến hết mọi khổ đau và lần bước tiến lên cấp bậc Bồ-tát cho đến Phật quả. Hiệu dụng của tám điều giác ngộ quả thật không thể nghĩ bàn, nếu ai thực tập thực tu sẽ nhận được kết quả không nghi ngờ. Hàng Phật tử chúng ta chớ thấy quyển

kinh mỏng mà xem thường, phải nghiền ngẫm cho tận tường, phải tu tập cho thuần thục sẽ đạt được bản nguyện thoát ly sanh tử.

Vì thấy tính cách tuy đơn giản nhưng quan trọng của quyển kinh, nên chúng tôi đem ra giảng cho tăng ni và Phật tử trước nhất. Đồng thời muốn tăng ni nhớ mãi, chúng tôi dịch thành văn vần để học mau thuộc.

Hiện nay các thiền sinh hợp tác ghi chép lại lời giảng của tôi để phổ biến cho những bạn đồng tu được cơ hội đọc lại quyển kinh này. Để tỏ lòng tùy hỷ, tôi xin ghi ít dòng ở đầu sách.

Thiền viện Thường Chiếu

27-08-1997

THÍCH THANH TỪ

MỞ ĐẦU

Theo chương trình học ba năm thì kinh Bát Đại Nhân Giác được dạy đầu chương trình. Tôi sẽ giảng ngay bản kinh chữ Hán, do ngài An Thế Cao trích dịch, để cho quý vị mới học Phật dễ nhận ra yếu chỉ tu hành.

Bát: là tám.

Đại nhân: là người lớn. Người lớn mà Phật muốn nói ở đây là người giác ngộ thấy rõ các pháp đúng như thật, không còn mê lầm các pháp. Theo đạo Phật, người chưa biết tu gọi là phàm phu. Người nghe lời Phật dạy, phát tâm tu chứng từ Sơ quả Tu-đà-hoàn, đến Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, thì gọi là Thanh văn. Còn người phát tâm tu Lục độ vạn hạnh chứng từ Thập tín... lên Sơ địa tiến dần đến Thập địa, gọi là Bồ-tát. Và khi công

hạnh tự giác giác tha của Bồ-tát đã viên mãn thì thành Phật.

Như vậy, hàng Bồ-tát, Phật gọi là đại nhân.

Giác: là biết, là trí tuệ tối thượng do tu chứng mà thành, thấy biết đúng lẽ thật, chứ không phải cái biết thiển cận sai lầm của người thế gian.

Bát Đại Nhân Giác là *Tám điều giác ngộ* của Phật và Bồ-tát.

Kinh: những lời giảng dạy của Phật, được kết tập lại thành bộ gọi là kinh. Lời Phật dạy vừa phù hợp với chân lý, vừa thích hợp với căn cơ tâm lượng của chúng sanh, trải qua ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều đúng. Kinh Phật nói cốt để giáo hóa chúng sanh khiến cho chúng sanh nghe hiểu tin nhận tu hành, để thấy rõ lẽ thật và được giải thoát.

Kinh Bát Đại Nhân Giác do ngài An Thế Cao dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán, vào thời Hậu Hán đời vua Hán Hoàn Đế, niên hiệu Kiến Hòa năm thứ 2 (148 Tây lịch). Ngài là Thái tử nước An Tức (Parthia), nay một phần thuộc Ba-tư (Persia) một phần thuộc A-phú-hãn (Afghanistan). Lúc bấy giờ Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang An Tức rất thịnh hành, ngài xuất gia tu học, thông suốt kinh luận. Sau ngài đem Phật pháp truyền vào Trung Quốc và dịch kinh này từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Thông lệ các kinh mở đầu đều có lục chủng chứng tín của ngài A-nan khi kết tập: *Tôi nghe như vầy, một thuở nọ, Phật ở tại*... Nhưng mở đầu kinh Bát Đại Nhân Giác không có phần này là tại sao? Vì lúc bấy giờ Phật pháp mới truyền vào Trung Quốc, người học Phật chưa thâm nhập giáo lý nhiều, nếu để trọn bộ kinh dày cho

họ đọc, e không kham đọc nổi, nên ngài phương tiện rút từng phần tinh yếu của Phật pháp trong nhiều bộ kinh mà dịch, phân ra thứ nhất, thứ hai, thứ ba... đến thứ tám, tập thành *Kinh Bát Đại Nhân Giác*, để cho người mới phát tâm tu học dễ nắm được những điểm cần yếu trong Phật pháp, rồi sau mới học tiếp những phần khác sâu rộng hơn. Vì lý do đó mà kinh Bát Đại Nhân Giác không có lục chủng chứng tín của ngài A-nan khi kết tập.

PHẦN GIẢNG GIẢI

Âm:

Vi Phật đệ tử,

Thường ư trú dạ,

Chí tâm tụng niệm,

Bát Đại Nhân Giác.

Dịch:

Chúng ta là hàng Phật tử,

Cả đêm lẫn ngày hằng giữ thọ trì.

Chí thành tụng niệm nhớ ghi,

Tám điều giác ngộ của vì Đại nhân.

Giảng:

Ngài An Thế Cao dạy: Nếu chúng ta đã là đệ tử Phật thì phải trì tụng nhớ nghĩ tám điều giác ngộ mà Phật và Bồ-tát đã

dạy đã làm, để bắt chước tu theo và sau đó chúng ta cũng sẽ được giác ngộ thành Bồ-tát, thành Phật như các ngài.

Âm:

Đệ nhất giác ngộ:

Thế gian vô thường,

Quốc độ nguy thúy.

Tứ đại khổ không,

Ngũ ấm vô ngã.

Sanh diệt biến dị,

Hư ngụy vô chủ.

Tâm thị ác nguyên,

Hình vi tội tẩu.

Như thị quán sát,

Tiệm ly sanh tử.

Dịch:

Thứ nhất phải thường giác ngộ:

Thế gian vô thường quốc độ bở giòn.

Khổ không tứ đại thon von,

Năm ấm vô ngã có còn chi đâu.

Đổi dời sanh diệt chẳng lâu,

Giả dối không chủ lý mầu khó tin.

Tâm là nguồn ác xuất sanh,

Thân hình rừng tội mà mình chẳng hay.

Người nào quán sát thế này,

Lần hồi sanh tử sớm chầy thoát ra.

Giảng:

Đệ nhất giác ngộ

Đức Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, lời dạy của ngài là những phương pháp hướng dẫn cho mọi người tu, chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, chuyển mê thành giác. Hiện tại chúng ta tự nhận mình là Phật tử học pháp của Phật, đi con đường Phật đã đi, người thì mới học Phật, người thì học đã lâu, vậy có ai được phần nào giác ngộ chưa? Tại sao chúng ta học pháp Phật, tu theo Phật, mà Phật đã giác ngộ chúng ta lại chưa giác ngộ?

Tuy nói thế, song nếu nghiệm xét lại thì quý vị sẽ thấy mình có ít phần giác ngộ. Tôi tin chắc như vậy. Vì có học có tu theo Phật là có giác ngộ. Giác nhiều hay ít là tùy theo sự tu tỉnh của mình sâu hay cạn, điều này mỗi người tự biết.

Có nhiều người thường nghe nói chúng sanh thì mê, Phật thì giác, mà không hiểu thế nào là mê và mê cái gì?

Thế nào là giác và giác cái gì? Nếu chúng ta là Phật tử, mà không biết thế nào là mê và mê cái gì, thế nào là giác và giác cái gì, thì tu suốt kiếp cũng không biết mình tu tới đâu. Nếu hiểu thế nào là mê thì biết thế nào là giác. Nói mê nói giác là nói theo danh từ nhà Phật, nói theo thế gian thì gọi là lầm.

Thí dụ người thế gian mua đồ trang sức như bông tai, cà rá làm bằng thau mạ vàng mà không biết, nên trả giá ngang với vàng thật thì gọi đó là mua lầm, đồ giả tưởng là đồ thật. Khi biết là đồ giả thì hết lầm, hết lầm là hết mê.

Thêm một thí dụ nữa: Người đi đến nhà quen mà quên số nhà, hoặc quên đường nên đi lộn, không tìm được nhà mà họ muốn đến. Khi có người chỉ đúng đường đi và số nhà chính xác, thì người ấy không còn lầm lẫn nữa. Giống như người hết mê

là đã tỉnh. Cũng vậy, cái giả cho là thật, đạo Phật gọi là mê, cái giả biết là giả thì gọi là giác. Mê và giác không xa. Vậy, quý Phật tử học tu theo Phật có biết cái gì là giả, cái gì là thật chưa?

Thế gian vô thường,

Quốc độ nguy thúy.

Từ lâu, chúng ta mê lầm là mê lầm cái gì? Tất cả mọi người ai cũng thấy thân này là bền chắc, mọi cảnh vật, mọi sinh hoạt hằng ngày là thật. Rồi đinh ninh mình sẽ sống đến bảy tám mươi tuổi, hoặc một trăm tuổi... Vì vậy mà mải mê lo làm ăn, lo dành dụm tiền của để được giàu có. Lo cho sự nghiệp thế gian nhiều chừng nào là tốt chừng nấy, có của nhiều để hưởng cả đời và để lại cho con cháu được đầy đủ hơn người. Ai ai cũng đều có ý nghĩ đó, nhưng có mấy ai muốn mà được như ý? Vì vậy nên điều giác ngộ thứ nhất Phật nói: *Thế*

gian là vô thường, cõi đời mà chúng ta đang sống đây không lâu bền, có đó rồi mất đó. Thí dụ quả núi đang đứng sừng sững bị người bắn phá, dời đá đi nơi khác, núi trở thành đất bằng. Mới ngày nào sông sâu nước chảy xiết, giờ đây đã được lấp đầy phù sa. Trước kia chỗ này là dinh thự phố lầu nguy nga, nay chỉ còn là đống gạch vụn điêu tàn hoang sơ. Xưa, chỗ kia đồng không hoang vắng, nay trở thành đô thị chợ búa lâu đài phồn thịnh sung túc, xe cộ dập dìu. Nhà kia xưa giàu có bây giờ nghèo khổ cơ cực. Gia đình nọ, cha con, chồng vợ sum vầy, giờ đây đã chia ly xa cách, hoặc chết mất đi mấy người v.v... Đó là cảnh vật vô thường biến đổi.

Thế mà bấy lâu nay đa số chúng ta vẫn có ý niệm thế gian mãi mãi thường còn. Đó là ý niệm sai lầm của kẻ mê. Nếu người nào thấy được sự vật ở cõi đời này,

nay còn mai mất, có đó rồi mất đó, người thấy như thế là người tỉnh, người giác. Thế tại sao chúng ta không dám nhận mình có tỉnh có giác? Phật giác ngộ hoàn toàn, chúng ta nhờ có học có tu theo lời Phật dạy, chúng ta cũng giác được đôi phần, tuy giác chút chút cũng là có giác.

Nhưng có người nghe Phật nói thế gian vô thường, cũng hiểu và thấy thế gian vô thường, rồi tưởng mình đã hiểu thấu suốt lý vô thường. Nhưng khi gặp việc làm ăn có lợi, lại toan tính hơn thua, lo để dành của tiền sự nghiệp từ đời này qua đời nọ... Người đó tôi nói vẫn còn thấy thế gian là thường. Tuy có giác, nhưng chỉ giác một chút rồi mê. Giác độ vài mươi phút hoặc một giờ thôi, giác như thế là giác gián đoạn, giác từng phần. Phật và Bồ-tát thì hằng giác, giờ nào phút nào các ngài cũng thấy biết như thế. Chúng ta thì

lúc giác lúc mê; nếu gặp cảnh trái ý nghịch lòng, buồn khổ tang thương thì thấy đời là vô thường; khi gặp cảnh vừa lòng ưa thích thì quên đi, thấy là thường. Như vậy là giác gián đoạn, lúc giác lúc mê.

Nếu muốn được giác liên tục thì phải làm sao? Đây là ước nguyện của người muốn tu tiến, muốn được giác ngộ hoàn toàn như Bồ-tát, như Phật. Thí dụ quý vị nghe một bài thơ, một câu ca dao thấy hay, nhưng nghe qua một lần thì không nhớ, nếu nghe liền ghi chép đọc đi đọc lại nhiều lần, huân tập thì sẽ thâm nhập, muốn đọc liền nhớ, không quên, không ngập ngừng.

Cũng vậy, lâu nay chúng ta huân tập việc thế gian. Cha mẹ, anh em, gia tộc v.v... dạy mình cuộc đời là thường, nên rồi ai cũng tranh danh đoạt lợi, lo cho ta, cho gia đình, cho bà con quyến thuộc, ham làm giàu, ham sung sướng, cái gì cũng

tính lâu dài cả trăm năm cả ngàn năm. Nay nghe Phật nói *thế gian là vô thường*, chúng ta nghiệm xét lại để thấy rõ cuộc đời là vô thường, Phật nói rất đúng! Tuy biết Phật nói đúng, nhưng nếu nghe qua rồi bỏ, thì chúng ta chỉ giác một chút thôi. Nếu chúng ta thường nhớ, thường quán xét lời Phật dạy, thấy rõ thế gian là vô thường, từ thân tâm con người cho tới hoàn cảnh đều là vô thường. Cứ như vậy mà quán xét huân tu thường xuyên, thì chúng ta càng ngày càng thấu đạt thâm sâu lý vô thường Phật dạy.

Lúc bấy giờ đối với thân tâm, cũng như cảnh vật bên ngoài, không còn lầm chấp, thấy rõ là vô thường, như thế mới thật là giác. Đó là do chúng ta thường xuyên huân tu, xông ướp tâm mình qua lời dạy sáng suốt của Phật, nên mới được sáng suốt giác ngộ, khi gặp cảnh vô

thường tâm vẫn an nhiên tự tại. Như vậy không phải A-la-hán, Bồ-tát là gì? Còn nếu nói tu học theo Phật, Phật dạy vô thường mà Phật tử lại thấy là thường, khi đối diện với cảnh vô thường vẫn cứ buồn khổ khóc than. Như vậy là chưa giác ngộ.

Sở dĩ chúng ta học đạo giác ngộ mà không giác, là vì chúng ta nghe qua rồi bỏ không chịu huân tu, không chịu quán xét nhận định rõ ràng, thì không thể tỉnh giác như Bồ-tát, như Phật được. Bồ-tát, Phật trước kia cũng là một con người như chúng ta, do thường xuyên quán xét huân tu nên các ngài thấy rõ các pháp là vô thường. Vì vậy mà đối với mọi cảnh thuận nghịch, các ngài vẫn an nhiên tự tại. Gặp danh, gặp lợi, gặp sắc, gặp tài v.v... các ngài dửng dưng không nhiễm không động, vì biết nó là vô thường.

Lại có nhiều người học đạo, nghe giảng về lý *vô thường* khen thầy giảng hay. Song, nghe rồi trả tất cả cho thầy, riêng mình thì cứ lo tính chuyện thế gian, không bỏ sót một việc nào. Tính chuyện làm ăn sao cho có lợi nhiều, làm sao cho giàu, làm sao cho con mình học giỏi, ham muốn chuyện thế gian đủ điều nào danh nào lợi v.v... Rồi căn cứ trên ngày tháng xét thấy mình học Phật đã lâu, mà sao vẫn còn mê còn nhiễm và còn khổ.

Sở dĩ như vậy là do thiếu huân tu thiếu quán xét. Yếu tố tu hành là ở chỗ mình phải huân tu quán xét thường xuyên cho thuần thục như Bồ-tát, như Phật. Nếu thường xuyên quán xét huân tu thuần thục, thì làm gì có mê, có nhiễm, có khổ? Thế nên người học Phật biết tu, khi nghe một câu Phật pháp, liền ghi nhận, tu suốt đời. Còn người học Phật mà không

biết tu, dù cho nghe hết ba tạng kinh, luật, luận, cũng không nhớ thực hành.

Nếu nghe hiểu nhớ và thực hành thì sẽ thấy lời Phật dạy rất thực tế, rất hữu ích, giúp người giải thoát mọi khổ đau.

Tôi xin hỏi Phật tử:

- Quý vị có thấy thế gian này là vô thường không?

- Thưa, thấy.

- Phật nói có đúng không?

- Thưa, đúng.

- Biết Phật nói đúng chúng ta phải làm sao?

- Thưa, phải theo.

Theo không chưa đủ, mà phải huân tu, tức là luôn luôn ghi nhớ và thực hành, thực hành cho đến khi nào nhìn sự vật có hình tướng đều thấy là vô thường, chừng

đó mới thật sự giác ngộ. Khi đã thấu suốt lý vô thường, giả sử lỡ tay rớt món đồ đắt tiền, chúng ta không buồn tiếc. Hoặc nhà cửa, xe cộ bị hư bị mất, chúng ta thấy nó vô thường nên cũng không buồn không khổ. Cho đến việc thế gian hợp tan còn mất, và ngay cả thân mạng này có già có đau có chết, chúng ta cũng không còn khổ đau nữa. Đó là nhờ chúng ta học Phật và biết tu nên mới hết khổ. Vì vậy nên nói đạo Phật là đạo cứu khổ.

Từ lâu chúng ta mê lầm, mê mình mê vật, được thì mừng vui, mất thì buồn khổ. Song, người đời đâu có ai được hoài, đa số là mất nhiều hơn được. Quý Phật tử lớn tuổi xét lại sẽ thấy rõ điều này, nào mất cha mẹ, mất anh em, mất thân tộc, mất bạn bè, mất đủ thứ... rồi đây sẽ mất luôn mạng sống của mình nữa! Mọi sự đau khổ cứ dồn dập! Người thân mất, ai mà không

buồn, không rơi nước mắt? Chỉ khi nào thấu đạt được lý vô thường là một lẽ thật, chừng đó mới hết buồn hết khổ. Người thâm nhập được lý vô thường của Phật dạy, gặp thuận duyên hay nghịch cảnh, biết việc gì đến là phải đến, nên an nhiên bình thản đón nhận không loạn động bất an.

Người nay đi chùa cúng Bồ-tát, mai đi chùa cúng Phật, mà không chịu huân tu, khi gặp việc trái ý nghịch lòng thì buồn khổ khóc than, trách Phật, Bồ-tát từ bi cứu khổ, mà con khổ hoài sao các ngài không cứu! Người đi chùa học Phật như thế, chắc chắn không bao giờ được Phật cứu khổ. Phật biết chúng sanh tối tăm mê mờ, không thấy đúng lẽ thật, ngài mới chỉ bày cho thấy thế gian là vô thường, pháp nào là giả, pháp nào là thật, dạy cho

chúng sanh huân tu để có cái nhìn như Phật như Bồ-tát.

Khi đã thấy biết các pháp đúng như thật là giác ngộ giải thoát mọi khổ đau. Đó là Phật đã cứu khổ cho chúng ta, cứu bằng cách dạy cho chúng ta thấy đúng lẽ thật. Vậy mà chúng ta không chịu hiểu, cứ đòi Phật cứu bằng cách này cách nọ, hoặc cho cái này cho cái kia, đòi hỏi những chuyện thật là vô lý!

Người học Phật uyên thâm đã thấm nhuần đạo đức, lúc nào cũng được bình an không còn buồn vui với những duyên thuận hay nghịch. Người thấy rõ thế gian vô thường, là thấy đúng theo tinh thần giác ngộ. Thấy như vậy từng phút từng giờ là giác ngộ từng phút từng giờ. Thấy như vậy hằng ngày hằng tuần là giác ngộ hằng ngày hằng tuần. Nếu cứ thấy như vậy luôn luôn từ ngày này đến tháng kia năm

nọ, thì không là bậc Chánh giác, Bồ-tát, cũng là Phật tử Phật tôn. Trái lại, học cũng học, tu cũng tu, nhưng đối duyên xúc cảnh buồn khổ vẫn buồn khổ, khóc than vẫn khóc than như khi chưa tu, người như thế chưa xứng danh Phật tử. Học mà không hành, tu mà không quán xét, việc buồn khổ xảy đến cầu Phật cứu, Phật làm sao cứu kịp!

Học Phật là học đạo giác ngộ, chúng ta đem lời Phật dạy áp dụng ngay vào đời sống hằng ngày, đó là chúng ta tu để được giác ngộ như Phật.

Tứ đại khổ không,

Ngũ ấm vô ngã.

Sanh diệt biến dị,

Hư ngụy vô chủ.

Kiếp người khổ, không ngoài những cái khổ mà Phật đã nêu là sanh khổ, già

khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương yêu xa lìa khổ, thù oán gặp gỡ khổ, mong cầu không được khổ, năm ấm hưng thạnh khổ. Đã giác ngộ thế gian là vô thường thì khi già mình không thấy khổ, khi bệnh mình không thấy khổ... Như vậy, già đến biết người có trẻ ắt có già, bệnh đến biết có thân ắt có bệnh, nó đến mặc nó, không lo buồn sợ sệt.

Nhờ có tỉnh giác mà chúng ta tự cứu mình thoát bao nhiêu cái khổ trong cuộc sống hiện tại. Người Phật tử muốn được kết quả an vui tự tại, thì ngay khi học Phật, liền đem lời Phật dạy ứng dụng vào đời sống hằng ngày, bằng cách quán xét, nhận thức, huân tu. Như vậy lâu ngày, đối trước cảnh khổ mà người không tu đau khổ thống thiết, chúng ta vẫn bình thản an nhiên không bị chi phối. Tu như vậy ngay trong hiện đời sẽ hết khổ, chứ không

phải chờ về Cực Lạc mới hết khổ. Nguyện về Cực Lạc cho hết khổ mà không lo tu tỉnh, đó chỉ là nguyện suông thôi.

Lâu nay chúng ta cho thân người là thật, cái suy nghĩ cũng là thật. Do mê lầm chấp chặt như vậy, nên cứ lo gom góp của cải để cho mình và con cháu hưởng. Mình suy nghĩ cái gì cũng cho là đúng, bắt mọi người phải nghe theo làm theo... Ở trước chấp cảnh, tới đây thì chấp thân và tâm là thường là ngã. Vì chấp như thế nên Phật dạy thân người do bốn chất: đất, nước, gió, lửa giả hợp mà có. Song bốn chất này thường xung khắc nhau, đất ngăn ngại nước, nước xoi mòn đất, nước làm tắt lửa... Chúng xung khắc mà hợp nhau lại, nên thường sanh ra những hiện tượng bất hòa, như đau yếu bệnh hoạn, hoặc khi chúng không dung hợp nhau được nữa thì rã tan. Vì vậy nên nói thân tứ đại là khổ.

Phàm người thế gian cho là khổ khi bụng đói cồn cào mà không được miếng ăn no dạ, nhưng khi được ăn no đủ thì hết khổ. Hoặc khi bị rét run mà không có áo da, mền nỉ, lò sưởi làm cho ấm đó là khổ, nhưng khi đủ tiện nghi sưởi ấm thì hết khổ. Hoặc bị tai nạn lạc loài bơ vơ nghèo thiếu đó là khổ, nhưng khi được người bảo bọc cho cơm ăn, áo mặc, nhà ở là hết khổ. Người thế gian thấy khổ khi đói, thấy vui khi no; thấy khổ khi rét buốt, thấy vui khi ấm áp; thấy khổ khi nghèo thiếu vật chất, thấy vui khi vật chất sung mãn. Những cái khổ này là những cái khổ nhỏ ai cũng biết, còn nỗi khổ lớn mà người đời không thấy không biết, ở đây Phật muốn chỉ là cái khổ vô thường đang bức bách thân tâm con người.

Đứa bé sơ sanh vừa lọt lòng mẹ liền khóc oa oa, vì đang ở trong lòng mẹ êm ấm,

ra khỏi lòng mẹ bị khí trời bức xúc có cảm giác đau rát... Chẳng những con khóc mà mẹ cũng đau đớn khi banh da xẻ thịt sanh ra đứa con, nên Phật nói sanh khổ. Qua bao tháng năm, đứa bé được cha mẹ nuôi dưỡng lớn khôn. Khi trưởng thành rồi thì dần dần già yếu, mắt mờ, tai điếc, tóc bạc, răng long, chân mỏi, gối dùn, ăn uống không ngon, đi lại khó khăn v.v... Đến tuổi già thường đau yếu bệnh hoạn, nay bệnh này mai bệnh kia, thân thể nhọc nhằn đau nhức khó chịu. Khi đau chạy chữa thuốc thang, mà bệnh không giảm cứ tăng hoài thì sẽ chết. Song, trước khi chết thì tâm thần rối loạn lo sợ hãi kinh, không biết mình sẽ đi về đâu. Môi miệng lệch méo, tay chân co giật v.v... vô cùng khổ sở.

Lại, nơi thân này những chất cứng như da, thịt, gân, xương, tóc, răng... thuộc về đất. Những chất lỏng như máu, mủ, mồ

hôi, nước mắt... thuộc về nước. Những vật có tính động như hơi thở vô, hơi thở ra thuộc về gió. Nhiệt độ như hơi ấm trong thân thuộc về lửa. Hiện tại khoa học phân tích thân người có vô số tế bào, song không ngoài bốn món đất, nước, gió, lửa.

Từ lâu chúng ta lầm tưởng thân này là ta thật, cứ chấp chặt như thế, nên ai động đến là phản ứng chống đối, hoặc tìm đủ mọi cách để bảo vệ, vun bồi cho nó được thỏa mãn. Nhưng với trí tuệ Phật thấy rõ thân do đất, nước, gió, lửa hợp lại mà thành, nếu thiếu một trong bốn chất ấy thì thân này không tồn tại. Khi bốn chất còn chung hợp thì mạng sống còn. Song, phải ăn cơm, uống nước, hít thở không khí, vay mượn đất, nước, gió, lửa bên ngoài, để bồi bổ thay thế cho đất, nước, gió, lửa bên trong. Cả ngày, cả đời, sống bằng sự vay mượn tạm bợ như thế. Giờ phút nào còn

vay mượn thì giờ phút đó còn mạng sống. Hết vay mượn thì mạng sống dừng, hơi thở trả về với gió; hơi ấm trả về với lửa; máu, nước miếng, nước mắt... trả về với nước; da, thịt, gân, xương... hòa nhập với đất. Tất cả đều rã tan, chẳng còn gì gọi là thân mạng con người, là ta, nên nói là không.

Phàm sự vật có hình tướng, đều bị vô thường chi phối dần dần đến chỗ hoại diệt. Quý vị có ai thấy vật có hình tướng mà không hoại diệt không? Tất cả pháp hữu vi, từ người đến vạn vật đều trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Nên Phật nói thế gian vô thường, tứ đại khổ không, để cho chúng ta thấy rõ lẽ thật, không còn cố chấp thân tứ đại này là thật, không còn cố chấp cõi đời này là bền chắc trường tồn.

Quý Phật tử có ai không bị vô thường chi phối không? Từ quá khứ bao lớp người không thoát khỏi, đời hiện tại bao lớp người đang bị thiêu đốt, và đời vị lai bao lớp người cũng bị chi phối. Nếu chúng ta lúc nào cũng thấy biết rõ ràng như vậy, thì dù cho thân này có ra sao đi nữa cũng không lo buồn sợ hãi. Vì biết nó không hoại sớm thì cũng hoại muộn, nên bình thản đón nhận cái chết. Trái lại, Phật tử gặp cảnh vô thường đến, mà còn khóc than kinh hoàng là do học mà chưa thấu suốt lời Phật dạy, hoặc học mà chưa huân tu, hay huân tu mà chưa thuần thục, còn chấp thân là ngã, nên mới khổ như thế.

Đến đây Phật nói *ngũ ấm vô ngã*. Trong kinh A-hàm, Phật dạy người chấp thân tứ đại là ta còn dễ phá trừ hơn người chấp linh hồn là ta. Đời này tin mình là chủ, khi chết rồi mình cũng trở lại làm chủ

nữa. Chấp trong thân này có cái linh hồn còn hoài, đó là thần ngã; thần ngã là chủ của thân này không bao giờ thay đổi. Đó là chấp thường theo ngoại đạo. Mê chấp như vậy rất có hại, vì cho thần ngã luôn luôn duy nhất không đổi thay thì không chịu tu, mặc tình ăn chơi, tạo các nghiệp ác, rồi sẽ chịu quả báo khổ.

Phật phân tích cho thấy thân này có năm phần, gọi là năm ấm. Năm ấm luôn luôn phủ che Phật tánh có sẵn nơi mọi người.

1. Sắc ấm: là phần thể xác con người do bốn chất đất, nước, gió, lửa hợp thành.

2. Thọ ấm: là phần cảm giác khổ vui, gặp cảnh thuận thì thân tâm cảm thấy thoải mái, vui thích đắm trước; gặp cảnh nghịch thì thân tâm cảm thấy bực bội buồn bã sân hận. Khi vui thì nói tôi vui,

khi buồn thì nói tôi buồn. Chấp cái vui cái buồn đó là tâm ta.

3. Tưởng ấm: là nhớ tưởng về chuyện quá khứ, mơ ước những chuyện tương lai, rồi chấp chặt cái nhớ tưởng đó là tâm ta.

4. Hành ấm: là sự nghĩ suy tính toán phát ra hành nghiệp, rồi chấp chặt cái suy nghĩ tính toán đó là tâm ta.

5. Thức ấm: là sự phân biệt cái này tốt cái kia xấu, cái này hay cái kia dở v.v... rồi chấp cái phân biệt đó là tâm ta.

Như thế, chấp sắc là thân ta, chấp thọ là tâm ta, chấp tưởng là tâm ta, chấp hành là tâm ta, chấp thức là tâm ta. Chấp như vậy thì một người có năm cái ta. Một người mà có năm cái ta có hợp lý không? Sắc thân có đây rồi sẽ hoại diệt tan rã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là pháp sanh diệt, chợt hiện chợt mất, không thường không thật, lại mê chấp là thường là thật là ta.

Vì vậy mà bị nó kéo đi mãi trong vòng sanh tử không dừng.

Giờ đây nghe Phật nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức là cái không thật, không thường hằng, có đó rồi mất đó, là cái sanh diệt không thật là ta, là vô ngã. Thấy biết rõ như vậy là giác ngộ. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, Phật dụ những cái sanh diệt có rồi mất là khách, vì nó đến rồi đi, nên không phải là chủ. Nếu là chủ thì không mất, lúc nào cũng hằng hữu. Thế mà chúng ta nhận cái chợt có chợt không đó là mình, tức là nhận khách làm chủ; do mê lầm như thế nên trầm luân sanh tử.

Chúng ta thấy rõ sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là ta, nó là tạm bợ, có rồi mất, đó là chúng ta đã thấu suốt được lý vô ngã mà Phật đã dạy.

Tâm thị ác nguyên,

Hình vi tội tẩu.

Như thị quán sát,

Tiệm ly sanh tử.

Phật lại dạy: Tâm người là nguồn ác, thân người là rừng tội lỗi. Quán sát như thế dần dần xa lìa sanh tử.

Tại sao Phật nói tâm người là nguồn ác, thân người là rừng tội lỗi? Thí dụ khi tâm mình khởi nghĩ một điều gì, thì cho điều mình nghĩ là đúng, là chân lý, nếu có ai cãi lại hay chống đối thì tức giận mắng chửi hay đánh đập... Tất cả mọi mầm mống đấu tranh đều từ tâm mà ra. Khi đã đấu tranh là có âm mưu có ác ý hãm hại người, để thỏa mãn ý muốn của mình, nên không ngần ngại gây khổ cho nhau.

Như vậy, tâm rõ là nguồn cội của tội ác. Còn thân khi muốn ăn một bữa ngon miệng thì phải mua gà vịt... về cắt cổ nhổ lông để lấy thịt mà ăn. Muốn cho thân này được no ấm sung túc thì khi làm ăn với

người mặc nhiên tranh giành lợi lộc về mình. Có người vì nuôi thân mà phải làm những nghề như giết heo, giết bò v.v... Hoặc vì quá mê mờ muốn có của để nuôi mạng sống, họ sẵn sàng giết người cướp của. Hoặc người có tham vọng chiếm đoạt quyền thế địa vị, mà bị người khác cản trở ngăn chặn thì không ngần ngại dùng những thủ đoạn độc ác như ám sát, bắt cóc, vu khống... Vì tham vọng cho bản ngã mà thân tạo vô số tội lỗi, nên nói thân là rừng tội.

Người khi thấy thân ngũ ấm là vô ngã, thì không còn chấp cái suy nghĩ của mình là đúng là chân lý, không còn thấy thân mình là quý là trọng, thì mọi sự hơn thua tranh chấp giữa mình với người, giữa nhóm này với nhóm khác không còn nữa, thế giới sẽ thái bình, nhân loại sẽ an lạc.

Người Phật tử thấy rõ tâm là nguồn tội ác, thì mỗi khi tâm khởi nghĩ những điều bất thiện hại mình hại người, hoặc lợi mình hại người liền dừng ngay, không phát ra lời nói việc làm, thì nguồn tội sẽ cạn dần và hết hẳn. Khi nguồn tội đã hết thì mình hết khổ đau, vì miệng không nói lời hung dữ, thân không làm những việc độc ác, gây khổ đau cho người vật, đó là tu. Người nào thường quán xét như vậy, là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Kiểm lại xem đa số người xuất gia cũng như tại gia có tu như vậy không? Hay chỉ lo cúng lạy tụng niệm mà không chịu quán xét, thì làm sao xa lìa được sanh tử? Chúng ta theo lời Phật dạy, quán xét thấy rõ tâm là nguồn ác, thân là rừng tội, để chuyển hóa thân tâm luôn luôn được thuần lương, đó là chúng ta đã được Phật cứu khổ.

Thông thường chúng ta thấy người nghèo đói, cho cơm gạo để họ được no lòng, thấy người lạnh rách cho áo chăn để họ được lành ấm, thấy người đau bệnh cho thuốc men để họ được khỏe mạnh, đó là cứu khổ người. Nhưng cứu khổ như thế thì bao giờ chúng sanh mới hết khổ? Nếu họ cứ thiếu hoài thì chúng ta có cứu nổi không? Hoặc nếu chúng ta chết rồi thì ai cứu họ? Hoặc chúng ta có thể hướng dẫn huấn nghệ cho họ có công ăn việc làm, để được sống no ấm, thì họ có hết khổ không? Họ chỉ vơi khổ phần nào thôi, vì chúng sanh vẫn còn bị vô thường sanh, già, bệnh, chết chi phối.

Phật và Bồ-tát cứu khổ chúng sanh, là làm sao cho chúng sanh dứt được mầm sanh, già, bệnh, chết, tức là vô minh phiền não. Đó là cái khổ lớn cần phải dứt trừ. Còn nghèo đói thiếu thốn vật chất chỉ là

cái khổ nhỏ. Phật nói nghèo đói chưa thật là khổ, trâu bò mang ách kéo cày chưa thật là khổ, bị thiêu đốt trong địa ngục cũng chưa thật là khổ, chỉ có người si mê không biết lối đi mới thật là khổ. Vì còn mê lầm thì đời này tạo nghiệp bị khổ, sanh ra đời sau cũng mê lầm tạo nghiệp cũng khổ nữa. Đời đời kiếp kiếp cứ tái diễn mê lầm tạo tội, thọ khổ không ngừng.

Chủ yếu của đạo Phật là cứu khổ sanh tử luân hồi, nên nói là giải thoát sanh tử luân hồi, chứ đâu có nói giải thoát đói lạnh. Đức Phật trước kia ở trong cảnh giàu sang quyền quý, vật chất quá đầy đủ, tại sao ngài lại ưu tư khắc khoải, rồi từ bỏ tất cả để vượt thành xuất gia? Vì ngài thấy rõ ngôi vua, quyền thế, của cải... là tạm bợ không giải quyết được vấn đề sanh tử, chỉ có tu hành giác ngộ thấy các pháp đúng như thật mới giải thoát được luân hồi

sanh tử. Phật giác ngộ rồi ngài mới chỉ dạy cho chúng ta tu để được giải thoát như ngài. Chúng ta cũng giảng dạy cho người khác tu để được giải thoát như chúng ta. Đó là mục đích chánh của sự tu hành mà Phật dạy. Còn những việc từ thiện xã hội như bố thí giúp người, chỉ là những phương tiện đầu để chúng ta có cơ hội gần gũi thân cận, hướng dẫn cho người đường lối tu hành, sống đúng với lời Phật dạy, để được an vui tự tại trong đời này và mãi mãi về sau. Chúng ta tu mà không thực hành như vậy thì không xứng đáng là một người tu Phật.

Điều giác ngộ thứ nhất Phật dạy cõi đời chúng ta đang sống là vô thường tạm bợ. Ngay thân tứ đại giả hợp tạm có này, chúng ta phải biết nó là khổ là không.

Phải biết thân và tâm tưởng có đó rồi mất đó, luôn luôn sanh diệt dời đổi không

có thật ngã. Cái suy tư nghĩ ngợi mà lâu nay mình lầm chấp là tâm mình, chính là nguồn gốc của ác nghiệp. Cái thân hình mà lúc nào mình cũng lo lắng cho nó được sung sướng đầy đủ, lại là rừng tội lỗi. Phật dạy chúng ta phải luôn luôn thấy rõ như thế, để chuyển ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh, để được giải thoát luân hồi sanh tử. Thấy biết đúng như vậy là người giác, thấy ngược lại là người mê.

Trong kinh Bách Dụ có kể một câu chuyện như sau: Thuở xưa có một ngôi nhà cũ, bỏ hoang đã lâu, thiên hạ đồn có quỷ dữ ở trong ấy, mọi người ai cũng kinh sợ không dám vào ngủ. Bấy giờ có một người tự cho mình là can đảm, bèn tuyên bố: "Tôi không sợ gì cả, chiều nay tôi sẽ vào nhà đó!". Quả thật chiều đến người ấy vào nhà đó ngủ, đồng thời có một người khác, cũng tự cho mình can đảm hơn

người và cũng xung phong vào nhà đó ngủ. Người này đến nơi xô cửa để vào. Người đến trước tưởng là quỷ đến xô cửa, bèn rinh tấm phên ngăn ngang cửa không cho vào. Người phía ngoài tưởng bên trong có quỷ, ráng sức xô cánh cửa cho bật ngã để vào đánh quỷ. Sau đó người ấy xô ngã tấm phên sấn vào, hai người đánh nhau dữ dội cho tới sáng. Sáng ra hai người thấy nhau rõ ràng, mới vỡ lẽ con quỷ mà mình đánh suốt đêm qua là người chứ không phải quỷ. Cuộc đánh đấm liền dừng ngang đây.

Phật dụ sự lầm mê chấp trước của con người là trời tối. Vì tối tăm mê mờ không thấy đúng lẽ thật, cái giả lầm tưởng là thật, cái thật lại không khéo nhận ra, do đó mà bị nhọc nhằn khổ sở. Khi đã tỉnh giác, trí tuệ đầy đủ thấy đúng lẽ thật, không còn lầm lạc mê tối nữa thì sẽ hết nhọc nhằn khổ sở.

Kinh A-hàm, Phật dạy mỗi người tu chúng ta phải thắp ngọn đuốc trí tuệ của mình lên, và mồi ngọn đuốc này với chánh pháp của Phật. Tức là chúng ta nương tựa vào trí tuệ của Phật qua kinh, luật, luận. Chúng ta luôn ghi nhớ huân tập mãi thì trí tuệ sẽ sáng rỡ như Phật và Bồ-tát.

Từ trước chúng ta mê lầm, không nghe, không thấy, không biết. Giờ đây nghe Phật dạy, luôn ghi nhớ, huân tập mãi cho thấm nhuần, thì sẽ sáng suốt không còn lầm chấp đau khổ nữa. Như vậy quý Phật tử thấy việc tu học đâu có gì khó khăn, chỉ cần phải hiểu cho đúng rồi thực hành từ từ, đến khi thuần thục thì hoàn toàn giác ngộ, nên nói Phật pháp quý báu là vậy.

Xưa, thiền sư Vạn Hạnh giác ngộ được lẽ vô thường, ngài làm bài thơ:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô,

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Ngài nói thân người giống như điện như bóng, có rồi không. Cây cối mùa xuân thì tươi nhuần sum sê, đến mùa thu lại héo tàn. Mặc tình cho việc hưng thịnh hay suy vi, ngài không vui buồn kinh sợ. Việc hưng thịnh hay suy vi đối với ngài như hạt sương trên đầu ngọn cỏ, nắng lên là tan mất. Thân mạng đối với ngài như lằn chớp, xẹt qua rồi mất. Do thấy như vậy nên ngài an nhiên trong cuộc sống.

Âm:

Đệ nhị giác tri:

Đa dục vi khổ,

Sanh tử bì lao,

Tùng tham dục khởi,

Thiểu dục vô vi,

Thân tâm tự tại.

Dịch:

Thứ hai lại cần giác biết:

Tham dục càng nhiều, khổ thiệt thêm nhiều.

Nhọc nhằn sanh tử bao nhiêu,

Bởi chưng tham dục, mà chiêu khổ nầy.

Bớt lòng tham dục chẳng gây,

Thân tâm tự tại vui nầy ai hơn.

Giảng:

Đệ nhị giác tri:

Đa dục vi khổ,

Sanh tử bì lao,

Tùng tham dục khởi.

Dục chỉ cho năm món dục ở thế gian là tài, sắc, danh, thực, thùy hay là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Đa dục là nhiều tham muốn về ngũ dục, có nghĩa là tham muốn tiền của, đắm mê sắc đẹp, ham danh vọng, thích ăn ngon, ưa ngủ kỹ. Người thích ăn ngon, thân phải chạy ngược chạy xuôi, toan tính lo làm cho có nhiều tiền mới sắm được bữa ăn ngon theo sở thích. Như vậy thì tâm lao nhọc, thân vất vả mới được bữa ăn vừa miệng. Hoặc người đắm mê sắc đẹp, cả đời cứ đuổi theo hương sắc, thì sức lực hao mòn, tiền của tiêu tán, cực nhọc lao lung không thể kể xiết. Người tham danh, tham tài cũng vậy, phải ngược xuôi làm lụng, tranh giành để được danh được lợi v.v... Tóm lại, người đời chỉ vì đắm mê ngũ dục, nên tạo nhiều tội lỗi chịu nhiều khổ đau. Ham mê

nhiều chừng nào thì khổ sở nhiều chừng ấy.

Trong kinh A-hàm, Phật có kể câu chuyện:

Xưa có vị vua tên Đảnh Sanh, do nhờ phước báo nhiều đời, nên được làm Chuyển luân thánh vương, là bậc thông minh trí tuệ, hành động theo chánh pháp, thành tựu bảy báu, thống trị khắp cả cõi đất này. Làm vua trong thời gian thật lâu, ông khởi niệm mong ước mưa báu bảy ngày dâng đến tận đầu gối.

Vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại phước đức, nên vừa khởi niệm là được như ý. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn đến xem và thống trị châu Cù-đà-ni ở phương tây và Vua cũng được như ý muốn. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn đến xem và ngự trị châu Phất-bà-bệ-đà-đề ở phương đông và Vua cũng

được như ý. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn đến xem và thống trị châu Uất-đơn-việt ở phương bắc, và Vua cũng được như ý. Lại một thời gian sau, Vua khởi niệm muốn tới cõi trời Tam thập tam, và nhà vua cũng được như ý muốn. Khi Vua đến cõi trời Tam thập tam, đi vào nhà chánh pháp. Ở đó, trời Đế-thích nhường cho vua Đảnh Sanh nửa tòa ngồi. Khi vua Đảnh Sanh ngồi trên nửa tòa của trời Đế-thích thì ánh sáng, màu sắc, y phục, oai nghi lễ tiết của vua Đảnh Sanh không khác vua trời Đế-thích, chỉ có hai mắt nháy là khác.

Sau khi đã được toại nguyện ở trên cõi trời Tam thập tam thì vua Đảnh Sanh lại khởi niệm cướp lấy tòa ngồi của vua trời Đế-thích để làm vua loài trời và loài người. Khi vua Đảnh Sanh vừa khởi niệm ấy, bất giác rớt xuống châu Diêm-phù-đề, liền

mất Như ý túc, và lâm trọng bệnh nguy ngặt. Đến lúc sắp chết, các cận thần đến bên nhà vua hỏi rằng:

- Tâu Thiên vương, nếu có vị phạm chí, cư sĩ và kẻ bầy tôi hay thần dân nào đến hỏi chúng thần rằng: "Lúc băng hà Thiên vương chỉ bảo những gì", chúng thần trả lời thế nào cho phạm chí, cư sĩ hay thần dân ấy?

Vua Đảnh Sanh bảo cận thần:

- Vua Đảnh Sanh đã được châu Diêm-phù-đề nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã được bảy báu nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã được châu Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã được châu Phất-bà-bệ-đà-đề, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn;

vua Đảnh Sanh đã được châu Uất-đơn-việt, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã tới cõi trời Tam thập tam, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; vua Đảnh Sanh đã có đủ ngũ dục lạc, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn... Các người hãy trả lời như thế, vua Đảnh Sanh vì quá tham dục cho nên khổ.

Vua biết đó là điều bất thiện, nên trước khi chết trăn trối cho quần thần và dân chúng biết để tránh.

Hồi xưa tôi còn làm việc cho Giáo hội, một hôm tôi đến giảng ở Chi hội Phật học Gia Định. Sau khi giảng xong có một Phật tử lấy xe nhà đưa tôi về chùa. Ngồi trên xe đàm đạo, tôi khuyên Phật tử ấy:

- Đạo hữu đã lớn tuổi, nên dành thì giờ xem kinh, niệm Phật cho có công đức. Mải miết lo làm thì quá cực khổ, mai kia chết lại càng khổ hơn.

Phật tử ấy trả lời:

- Con có tới ba tiệm cưa máy, mỗi buổi sáng phải đi đến coi người ta làm, chiều đi đặt cây, tối về làm sổ tới khuya. Nhiều khi không có thì giờ để đọc một cột báo, vì quá mệt phải đi ngủ. Thầy thương Thầy khuyên con như thế, ở vào hoàn cảnh của con làm sao tu hành được!

Quý vị thấy, nếu làm ăn được hoài thì rất khó tu. Vì được hoài thì tham muốn thêm hoài, thấy làm ra tiền dễ quá lòng tham cứ khởi mãi. Cho nên người nhiều dục lạc mà nói hết khổ là lầm. Phật dụ người đang khát nước mà uống nước muối, càng uống càng khát. Người nghèo hèn ban đầu muốn có chút tiền của để được no ấm, khi có rồi lần lần muốn thêm, thêm mãi... Cho nên người nào nói tôi nghèo nên tôi chưa tu, chờ khi nào tôi có đầy đủ vật chất tôi mới tu, người nói như thế cũng

giống người khát mà uống nước muối vậy. Người có tâm tham muốn thì không bao giờ biết đủ!

Người Phật tử chân chánh biết quay về với Phật pháp lo tu học, nhờ đó mà được bớt khổ. Người biết tu, đối với vật chất có bao nhiêu cũng thấy là đủ. Có ít thì sống theo ít, có nhiều thì chia sớt cho người thiếu; thấy rõ vật chất là của tạm, dùng nuôi thân cho khỏe mạnh để tu tiến, chứ không lấy đó làm chánh, rồi khởi tâm mong cầu tham đắm. Nếu tâm còn dục vọng tham đắm của cải vật chất, tất nhiên là còn toan tính, hễ còn toan tính là có mưu đồ tạo sự nghiệp, hễ tạo sự nghiệp nếu không gây khổ cho người thì cũng gây khổ cho loài vật. Càng ham muốn là càng gây đau khổ cho mình cho người.

Người nào cho rằng hưởng dục lạc thế gian đầy đủ là sung sướng, kẻ đó lầm,

không thấy chân chánh. Ví như người thèm thức ăn ngon, khi ăn được món ngon này rồi, lại thèm món khác, hết tìm cao lương lại kiếm mỹ vị. Suốt đời cứ tìm cầu ăn uống, kiếp người sống thật thấp hèn và khốn khó!

Giả sử người đang trường trai giữ giới, thèm ăn ngon, nên nghĩ: "Nếu có thịt ăn một bữa, mình sẽ ăn cho đã thèm". Nghĩ thế họ liền phá trai phạm giới ăn một bữa thịt thật no nê, để không còn thèm nữa. Nhưng ít lâu lại thèm rồi phá trai phạm giới nữa, cứ như thế tái diễn hoài. Chi bằng vừa khởi niệm tà liền dừng, quyết chí không chiều theo thị hiếu thị dục thấp hèn, gìn giữ giới luật cho trong sạch để tiến tu. Qua thí dụ trên, chúng ta thấy những dục lạc khác cũng đều như vậy. Bệnh của con người muốn được cái này lại tiếp muốn cái khác, cứ như thế mà muốn

hoài không dừng. Nên phải biết tham muốn là gốc của đau khổ luân hồi sanh tử.

Người đời thường suy luận: Người tu hành ăn tương rau, mặc nâu sồng, giam mình trong nếp sống thanh bần, rốt cuộc rồi cũng chết. Còn người đời ăn sung mặc sướng, hưởng nhiều dục lạc thế gian, rốt cuộc rồi cũng chết. Hoặc nói người hiền đức già đời cũng chết, kẻ hung hăng bạo ngược cuối cùng cũng không còn. Lý luận như vậy có đúng không? Người buông lung chạy theo ngũ dục và người không phá trai phạm giới, luôn luôn giữ gìn thân tâm thanh tịnh, cả hai đều chết, nhưng hai cái chết khác nhau.

Người hàng ngày chạy theo dục lạc thế gian, khi gần chết thân xác hư hoại, mà tình ái cứ buộc ràng với vợ con quyến thuộc không muốn xa lìa, nên giằng co khổ sở. Lại không biết mình sẽ đi về đâu

nên hãi kinh lo sợ. Vì sanh tiền, thân, miệng, ý vốn đã tạo nhiều nghiệp chướng nặng nề, nên bị nghiệp lực lôi cuốn theo dòng luân hồi, sanh tử không dừng, khổ sở không dứt. Còn người biết tu hành ba nghiệp thanh tịnh, tuy xác thân có hư hoại, nhưng tinh thần bình tĩnh sáng suốt, không kinh sợ, biết rõ hướng đi, nên khi thở hơi cuối cùng rất nhẹ nhàng an ổn, và khi chết rồi thì được siêu thoát.

Đành rằng con người ai cũng chết, nhưng người chạy theo ngũ dục tạo nghiệp ác khi chết thì chịu quả báo khổ đau, còn người tu không chạy theo ngũ dục, không tạo nghiệp ác mà tu nghiệp lành, khi chết sanh vào cõi lành hưởng phước an vui, hoặc được giải thoát sanh tử nhập Niết-bàn. Cái chết của người biết tu và không biết tu khác nhau chỗ đó. Người thế gian vì mê muội, không thấy được

nhân quả nghiệp báo, nên mới lấy ngũ dục lạc làm lẽ sống, vui say đắm nhiễm, cho nó là quý là trên hết. Người giác ngộ biết chạy theo ngũ dục lạc là họa hại là đau khổ, nên sống đời sống đạm bạc đơn giản để an tâm tiến đạo.

Người nào còn ham muốn dục lạc là còn khổ, ham muốn nhiều thì mê nhiều khổ nhiều, ham muốn ít thì mê ít khổ ít. Ham muốn cái gì cũng khổ cả. Khi hết ham muốn thì hết mê, thấy tài, sắc, danh, thực, thùy là ảo ảnh, là vô thường, không bận lòng để ý thì hết khổ. Phật dạy người tu hành chân chánh, phải biết tham muốn ngũ dục là gốc luân hồi sanh tử khổ đau. Vì vậy mà phải:

Thiểu dục vô vi,

Thân tâm tự tại.

Thiểu dục là ít muốn. Người tu trong bốn món ăn, mặc, ở, bệnh được tín thí cho

bao nhiêu thì dùng bấy nhiêu, không tìm cầu đòi hỏi cho nhiều, để tiêu dùng cho thỏa thích. Không tìm cầu nên không tạo nghiệp, không tạo nghiệp thì thân tâm không còn lo buồn khổ đau, sẽ được an ổn tự tại.

Phật dạy chúng ta tu để hết khổ. Ngài chỉ nguyên nhân gây ra đau khổ là ý. Ý si mê khởi niệm tội lỗi, miệng và thân nói làm tội lỗi, sau đó sẽ nhận lấy hậu quả khổ đau. Bây giờ chúng ta muốn hết khổ, thì phải thắp sáng trí tuệ nơi mình với chánh pháp của Phật, để phá những vô minh phiền não nơi ý. Ý không khởi niệm ác thì không nói ác, không làm ác; ý khởi niệm lành thì nói lành làm lành, lợi mình lợi người. Tâm thường lóng lặng thì trí tuệ sáng suốt, phá sạch vô minh, hết lậu hoặc, dứt khổ đau, được an vui giải thoát.

Như vậy muốn hết khổ, chúng ta phải thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ nơi tâm, để thấy rõ nguyên nhân đau khổ mà dừng không tạo ác, chứ không phải nghe nói ông này linh, cô kia giỏi, đến lạy lục van xin cầu cứu cho mình hết khổ. Làm như thế chẳng những không được kết quả như ý, mà còn lún sâu vào mê tín dị đoan, đã khổ đau lại chất chồng thêm đau khổ.

Chúng ta biết rõ do tham dục mà cực khổ lao lung, và biết bớt tham dục là bớt khổ đau. Rõ ràng khổ hay vui là do mình, không do ai khác. Phật dạy chúng ta tu là phá mê, vì mê là gốc tham dục đưa con người đi trong luân hồi sanh tử khổ đau. Nếu mê được phá thì tham dục không còn, người hết tham dục thì được an vui tự tại, chẳng những trong đời hiện tại và còn mãi mãi về sau, chẳng những cho bản thân

mình mà còn lợi ích cho người chung quanh nữa.

Âm:

Đệ tam giác tri:

Tâm vô yểm túc,

Duy đắc đa cầu,

Tăng trưởng tội ác.

Bồ-tát bất nhĩ,

Thường niệm tri túc,

An bần thủ đạo,

Duy tuệ thị nghiệp.

Dịch:

Thứ ba phải thêm giác biết:

Đắm mê trần tục mải miết chẳng dừng.

Một bề cầu được không chừng,

Tội kia thêm lớn có ngừng được đâu.

Những hàng Bồ-tát hiểu sâu,

Nhớ câu tri túc hằng lâu chẳng sờn.

Cam nghèo giữ đạo là hơn,

Lầu cao trí tuệ chẳng sờn dựng lên.

Giảng:

Đệ tam giác tri:

Tâm vô yểm túc,

Duy đắc đa cầu,

Tăng trưởng tội ác.

Điều giác ngộ thứ ba là lòng người không bao giờ biết đủ, không bao giờ thấy chán, chỉ một bề mong cầu cho được nhiều, được mãi không thôi. Song, càng tham

muốn nhiều, thì tội lỗi sẽ càng tăng thêm. Đó là tâm niệm của người thế gian còn nhiều mê mờ.

Ngược lại:

Bồ-tát bất nhĩ,

Thường niệm tri túc,

An bần thủ đạo,

Duy tuệ thị nghiệp.

Giờ đây nói về Bồ-tát, các ngài không giống như người thế gian. Các ngài thường biết đủ an vui trong cảnh nghèo, để gìn giữ đạo đức và lúc nào cũng lấy trí tuệ làm sự nghiệp, chứ không nghĩ gì khác hơn. Tiền của, vật chất, danh lợi... đối với các ngài chỉ là pháp hữu vi không bền không thật, các ngài không lấy đó làm quý làm trọng, mà chỉ một bề lo vun bồi trí tuệ và từ bi ngày càng thêm lớn. Bồ-tát cũng là một chúng sanh, nhưng chúng sanh

biết tu hành và được giác ngộ, nên gọi là *Hữu tình giác*. Sau khi đã giác ngộ, các ngài giúp cho mọi người được giác ngộ như mình, nên gọi là giác hữu tình. Lúc nào các ngài cũng thực hiện hạnh tự giác, giác tha cho được viên mãn. Các ngài không vì mục đích nào khác ngoài tinh thần giác ngộ mà Phật đã dạy.

Như vậy, quý vị đừng lầm tưởng Bồ-tát là bậc có nhiều thần thông phép lạ. Biết đâu trong sinh hoạt hiện tại của chúng ta, có nhiều Bồ-tát mà chúng ta không biết. Vì người nào tự thân không đắm mê ngũ dục, không bị ngũ dục chi phối, lại còn biết tu tỉnh, biết giúp cho người phá mê lầm trong cuộc sống, đoạn trừ khổ đau thì người đó là Bồ-tát. Người Phật tử chân chánh, không bao giờ mong cầu Bồ-tát thị hiện qua hình tướng kỳ lạ,

với thần thông phép mầu ban ơn cứu khổ cho chúng sanh.

Nếu ai cho Bồ-tát như thế, thì chắc chắn suốt kiếp không thấy được Bồ-tát. Tôi nhắc lại, Bồ-tát cũng là một chúng sanh hữu tình tu được giác ngộ, và tạo phương tiện giúp cho người tu cũng được giác ngộ như các ngài. Nghĩa là lúc nào cũng thấy thế gian vô thường, cõi đời tạm bợ, thân này vốn là khổ, không, vô ngã.

Cõi Ta-bà chúng ta hiện đang sống đây là cõi Dục, nên lòng tham con người quá nặng quá sâu. Người nghèo thiếu thốn vật chất, tham cầu cho có để sống đã đành, người giàu có bao nhiêu cũng không thấy đủ. Cổ đức dạy: "Người biết đủ dù nằm dưới đất, co tay làm gối, ăn cơm hẩm cũng vẫn thấy vui. Người không biết đủ dù ở trên cung trời cũng không vừa ý."

Cho nên người biết an phận, ở trong hoàn cảnh nào cũng được an vui.

Trong kinh Di Giáo, Phật dạy: *Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc, tri túc chi pháp, tức thị phú lạc, an ổn chi xứ.* Nghĩa là: Muốn thoát mọi sự khổ não, cần nên nghiệm xét hai chữ biết đủ, pháp biết đủ là sự giàu có, an ổn của con người.

Pháp sư Ấn Quang cũng dạy:

Cơm rau đỡ dạ đói,

Nhà cỏ che gió sương,

Người đời nếu biết đủ,

Phiền não chẳng còn vương.

Vì người đời tham dục nhiều nên khổ nhiều, khổ cả ba giai đoạn: Khi chưa có thì tham muốn mong cầu cho có là khổ; khi đã có rồi thì sợ mất, nên phải tìm cách bảo vệ gìn giữ cũng khổ; khi bị mất lại càng khổ hơn, buồn rầu mất ăn mất ngủ, có khi

không muốn sống nữa. Quý vị thấy người tham muốn nhiều ở trường hợp nào cũng khổ, chỉ có ít muốn biết đủ, dứt tâm tham cầu là hết khổ được vui.

Thí dụ có một nhà bác học uyên thâm, sống đời thanh bạch, xuống tàu đi ngoại quốc, và một nhà phú hộ mang nhiều vàng bạc của báu cũng đi ngoại quốc. Dọc đường tàu bị đắm, cả hai ôm phao nổi và được cứu sống. Khi vào đất liền thì ông phú hộ trắng tay tiền của mất hết, sự nghiệp tiêu tan không còn. Nhà bác học dĩ nhiên vẫn thanh bạch nhưng số kiến thức uyên thâm của ông không mất, coi như sự nghiệp ông còn. Nhà phú hộ dụ cho người thế gian ham làm giàu, tạo xe hơi nhà lầu của cải chứa đầy kho. Khi nhắm mắt xuôi tay, bỏ thân này mang thân khác, hoàn toàn không đem theo được vật gì. Nhà bác học thanh bạch dụ cho người tu, sau khi nhắm

mắt xuôi tay, bỏ thân này mang thân khác, tuy còn mê cách ấm, nhưng gặp duyên thì trí tuệ hiển phát, không mất.

Tức là đời này tu hành tuy đã giác ngộ, đời sau sanh ra cũng có quên. Song, quên một lúc, khi gặp cơ duyên nhắc lại liền tỉnh nhớ ngay. Đời trước tu nhiều thì nhớ sớm, đời trước tu ít thì nhớ muộn và rồi cũng tiếp tục tu hành. Điều này chúng ta nghiệm xét thấy rõ. Tại sao có những người học hoài mà không hiểu không nhớ, vẫn tối tăm dốt kém? Lại có những người chưa học mà biết, hoặc học một mà biết tới mười? Như vậy có phải là do đời trước họ đã gieo trồng nhân trí tuệ, nên đời này gặp duyên thì khả năng sẵn có đó hiển phát? Nói theo danh từ chuyên môn là chủng tử đã có sẵn, hội đủ duyên thì hiện hành. Tóm lại, người nào đời này biết thiểu dục tri túc, để gìn giữ đạo đức và nuôi lớn trí

tuệ, đó là người tỉnh giác. Trí đức ấy qua đời sau không mất, mặc dù có bị mê cách ấm. Vì thế hàng Bồ-tát là người tỉnh giác, biết cái nào có tạm rồi sẽ mất, thì không chú ý, xem thường; biết cái nào hằng hữu không mất, thì lo gìn giữ và phát huy cho thêm lớn.

Người thế gian vì mê lầm, chạy theo cái tạm bợ mà không biết nó tạm bợ, nên cả đời cứ lo phục vụ cái tạm bợ cho sung mãn. Khi quỷ vô thường đến, tất cả đều để lại thế gian, chỉ mang theo cái nghiệp nặng nề với quả báo không tốt về sau. Hiện tại Bồ-tát tuy thiệt thòi nghèo thiếu về vật chất, nhưng phần trí đức lúc nào cũng tăng trưởng lớn mạnh, chẳng những đời này mà những đời kế tiếp cũng thế. Nên nói sự nghiệp của Bồ-tát là trí tuệ.

Nếu người nào suốt đời cứ lo sự nghiệp thế gian cho hưng thịnh, thì sự nghiệp trí

tuệ sẽ lu mờ. Ngược lại người chăm lo sự nghiệp trí tuệ thì sự nghiệp thế gian xem như không có.

Như vậy, người lo sự nghiệp thế gian và người lo phát triển trí tuệ xuất thế gian, ai là người khôn biết lo xa? Dĩ nhiên đa số người đời đều tán thán người tạo dựng sự nghiệp bằng ăn ngon mặc đẹp, đầy đủ vật chất tiện nghi, sống đời sung sướng là giỏi là hay. Nhưng đối với người thấy rõ nhân quả tội phước trong đời hiện tại, cũng như những kiếp về sau, lo gìn giữ đạo đức, phát huy trí tuệ, vẫn là người sáng suốt khôn ngoan biết lo xa. Vì tiền của dùng trong lúc sống chỉ là cái tạm bợ, khi nhắm mắt không mang theo được. Người chỉ lo cho có nhiều của cải vật chất là người thiển cận, chưa biết lo xa nên gọi là chúng sanh mê lầm. Còn người không chạy theo ngũ dục thế gian, chỉ lấy trí tuệ làm sự

nghiệp là người biết lo xa, là Bồ-tát giác ngộ. Vậy tất cả quý vị, ai ưng làm chúng sanh, ai ưng làm Bồ-tát? Ai ưng làm Bồ-tát thì phải nỗ lực cố gắng tu hành!

Tóm lại, người nào quá tham cầu ngũ dục, đắm say ngũ dục không biết nhàm chán, thì tội lỗi càng ngày càng lớn, chẳng những hiện đời chịu khổ mà còn khổ mãi về sau.

Âm:

Đệ tứ giác tri:

Giải đãi trụy lạc,

Thường hành tinh tấn,

Phá phiền não ác,

Tồi phục tứ ma,

Xuất ấm giới ngục.

Dịch:

Thứ tư cần nên giác biết:

Kẻ biếng người lười hạ liệt trầm luân.

Thường tu tinh tấn vui mừng,

Dẹp trừ phiền não ác quân nhiễu đời.

Bốn ma hàng phục như chơi,

Ngục tù ấm giới thảnh thơi ra ngoài.

Giảng:

Điều giác ngộ thứ tư là lười biếng giải đãi thì bị sa đọa trầm luân. Thế nên phải luôn luôn tinh tấn tu hành mới phá trừ được phiền não nghiệp ác, hàng phục bốn ma, ra khỏi ngục tù năm ấm và ba cõi.

Thế nào là giải đãi, thế nào là tinh tấn? Giải đãi là bê tha lười biếng. Tinh tấn là siêng năng chuyên cần. Thí dụ người ham

mê ngũ dục muốn có nhiều tiền của, chuyên cần làm việc cả ngày lẫn đêm, không biết lười mỏi, không biết chán ngán. Người như thế có được xem là tinh tấn không? Không. Tại sao siêng năng chuyên cần làm việc cả ngày mà không phải là người tinh tấn?

Vì người chỉ biết siêng năng làm cho có nhiều tiền của, để được thỏa mãn dục lạc thế gian, mà không biết phát huy đức hạnh trí tuệ, đó chỉ là người giải đãi trụy lạc, chứ không phải là người tinh tấn. Tinh tấn đúng với tinh thần của Phật dạy là phải biết dừng và ngăn chặn điều xấu, làm và phát triển điều tốt.

Tứ chánh cần trong Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Phật dạy về tinh tấn như sau:

1. Điều thiện chưa sanh, phải siêng năng làm cho sanh khởi.

2. Điều thiện đã sanh, phải cố gắng phát huy cho tăng trưởng.

3. Điều ác chưa sanh, phải thường kiểm soát canh chừng ngăn chặn không cho sanh khởi.

4. Điều ác đã sanh, phải cố gắng chặn đứng, diệt trừ không cho sanh nữa.

Tinh tấn theo nghĩa vừa nêu, thì người thế gian đắm mê ngũ dục, dù có siêng năng làm việc cả ngày cả đêm cũng không thể gọi là tinh tấn. Ngược lại, người tuy suốt ngày không làm gì hết, mà tâm vừa khởi niệm bất thiện, liền dừng không cho tiếp tục sanh khởi; khi tâm khởi niệm lành thì phát huy cho nó thêm lớn mạnh, để làm lợi ích cho mọi người, đó là người tinh tấn. Nói một cách đơn giản, tinh tấn là ngăn ngừa không cho thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác, mà luôn khiến cho thân, khẩu, ý hiển phát nghiệp thiện.

Giả sử nếu vì tập quán, chúng ta đã lỡ tạo ác, vi phạm điều Phật răn cấm, chẳng hạn như ghiền thuốc ghiền rượu, thì phải nỗ lực bỏ lần lần. Cố gắng bỏ tật hư nết xấu, dù khó khăn mấy cũng cố gắng trừ bỏ cho kỳ được, để khép mình trong phạm vi giới luật của Phật chế định, gìn giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý cho trong sạch, thường nỗ lực phát triển những hạnh lành, lợi mình lợi người.

Giải đãi hay tinh tấn đều tùy nơi mình, nếu giải đãi thì bị trầm luân, còn tinh tấn tu hành thì phá trừ được phiền não, đoạn dứt nghiệp ác. Phiền não mà Phật dạy đây, không phải chỉ là nỗi buồn bực ray rứt trong lòng khi gặp cảnh ngang nghịch trái ý, như mọi người thường nói, mà là tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... Trong những món vừa kể, si là phiền não gốc. Do si mê không thấy các pháp đúng như thật, nên

mới tham cầu chấp trước, tham cầu mà không được thỏa mãn liền nổi sân hận, miệng mắng chửi, tay chân đánh đập, đấm đá v.v... tạo nhiều nghiệp ác, gây khổ cho mình và cho người.

Người tu hành phải luôn luôn thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ, trí tuệ sáng thì vô minh lui, vô minh lui thì si mê không còn, thấy các pháp đúng như thật. Đối với pháp hữu vi biết rõ là pháp vô thường biến hoại, không bền không thật, không chấp trước đắm nhiễm, không tạo tác ác nghiệp, ngang đây mọi phiền não khổ đau không còn.

Thế thường nói đến ma, thì người đời nghĩ đến hồn ma bóng quế của người chết hiện lên, bằng những hình bóng cô gái xõa tóc, le lưỡi, đi hổng chân khỏi mặt đất v.v... để nhát phá người sống. Song, ma mà Phật nói ở đây là những gì làm ngăn ngại,

phá hoại sự tiến đạo của người tu hành chân chánh. Đại lược có bốn thứ:

1. Ma phiền não: là tham, sân, si, mạn, nghi... sẵn có nơi mỗi người. Thí dụ người xuất gia phải sống phạm hạnh theo giới luật Phật dạy, nhưng vì lòng trần chưa dứt, tham ái hiện khởi, chạy theo nữ sắc, cởi áo hoàn tục, cưới vợ sanh con. Đời tu hành ngang đây dở dang lui sụt. Tham mê sắc dục tự lòng người tu hiện khởi, vì sức huân tu quá yếu không khắc phục được, nên bị nó làm chướng ngại sự tu hành, gọi đó là ma tham.

Hoặc một Phật tử quy y thọ năm giới, lý đáng phải giữ tròn, nhưng Phật tử ấy vốn dĩ đã thích uống rượu, một hôm đi dự tiệc, bạn bè mời ép, lòng tham ăn uống không dừng được, nên uống say túy lúy. Về nhà khi tỉnh lại thì hối hận mình đã phạm giới, trách bạn bè phá mình, chứ

không nghĩ do lòng tham ăn uống của mình. Mình tu mà không khắc phục được, xuôi theo nó nên phá giới mất thanh tịnh. Tu mà bị chướng ngại là tại con ma tham ăn uống chứ đâu phải tại bạn bè! Bạn bè mời ép mà mình chế ngự được lòng tham ăn uống, không uống rượu thì có ai làm gì mình?

Lại nữa, người tu lý đáng là không được sân giận, nhưng một hôm bỗng dưng có một người tới chùa nói năng gàn dở, chửi bới chúng tăng, phá phách trong chùa, vài thầy tăng khó chịu cũng lớn tiếng nặng lời lại. Như vậy là con ma sân của các vị ấy hiện. Vì các thầy tu, đạo lực non yếu không điều phục sân giận nên bị nó hoành hành, lớn tiếng nặng lời với người ta.

Lại nữa, đa số chúng ta tọa thiền, cốt là để lóng lặng tâm cho an định tỉnh sáng,

nhưng khi lên bồ đoàn ngồi xếp chân độ mười phút, mười lăm phút thì tâm thần mơ màng mờ mịt ngủ gà ngủ gật, ngủ như thế cho đến giờ xả thiền, không gượng được. Khi xả thiền cố ý nằm yên để ngủ thì không ngủ, vọng tưởng chạy nhảy lung tung... Hễ cứ lên bồ đoàn tọa thiền là ngủ gục không kềm, không gượng được. Như thế, có phải do thiếu ngủ mà ngủ gục không? Không. Ngủ như thế là do con ma thùy miên nó phá nó ngăn che, khiến cho sự tu hành của mình bị ngăn ngại lui sụt. Đó là ma si làm chướng đạo người tu. Và những ma phiền não khác ngăn ngại người tu cũng thế.

2. Ma ngũ ấm: đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức là năm món ngăn che làm cho con người không nhận ra chân lý, không sống được với trí tuệ, cứ mê mờ tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử khổ đau.

Sắc ấm: là hình hài thân thể con người do đất, nước, gió, lửa hòa hợp tạm có. Con người vì mê chấp thân tứ đại là ngã nên tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử, không nhận ra chân tánh nơi mình.

Thọ ấm: là cảm giác sướng khổ vui buồn khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần. Người vì mê chấp cảm giác vui buồn là thật, nên khi thọ nhận được cảm giác vui thì cố duy trì gìn giữ không muốn cho mất. Nhưng cảm thọ vui ấy không bền, là vô thường, mặc dù cố gìn giữ mà nó vẫn mất, và khi mất rồi thì buồn khổ. Khi thọ nhận cảm giác khổ thì không muốn nó tồn tại, song không được, vì nhân xấu đã gây rồi nên quả khổ phải thọ nhận. Con người vì mê lầm cố chấp cảm giác vui buồn là thật là ngã, nên tạo nhiều nghiệp ác trầm luân trong sanh tử, không nhận ra chân tánh của chính mình.

Tưởng ấm: là cái nhớ nghĩ việc đã qua hay mơ ước việc chưa tới. Cái mơ ước nhớ nghĩ đó là vô thường không thật. Con người vì mê lầm, chấp nó là thật là ngã, rồi tạo nghiệp thọ sanh, nên không nhận ra chân tánh sẵn có nơi mình.

Hành ấm: là ý niệm nghĩ suy chuyển động vận hành tạo tác các pháp hữu vi. Ý niệm suy tính vốn là vô thường không thật, con người do mê lầm, chấp nó là thật là ngã, tạo nghiệp rồi đi trong luân hồi sanh tử, nên không nhận ra chân tánh ở chính mình.

Thức ấm: là cái biết phân biệt cái này đẹp, cái kia xấu, cái này hay, cái kia dở. Cái phân biệt đẹp xấu hay dở chợt khởi rồi mất không thật. Con người vì mê mờ lầm chấp nó là thật là ngã, nên tạo nghiệp, thọ sanh tử, không nhận ra chân tánh sẵn có nơi mình.

Tại sao gọi sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm là ma? Đối với sắc thân tứ đại này, con người mê mờ chấp nó là thật là ta, nên suốt cả ngày cả đời mải mê lo vun bồi tô đắp cho nó được no đủ tươi tắn. Có khi vì lo vun bồi cho thân mà tạo nhiều nghiệp ác, quên đường đạo đức, không biết tu hành để tiến hóa trên đường thiện, không nhận ra chân tánh sáng suốt sẵn có nơi mình, nên gọi là ma sắc ấm. Tuy nhiên, nếu biết dùng thân này làm phương tiện tu hành tiến hóa trên đường thiện, nhận ra chân tánh sáng suốt nơi mình, làm lợi ích cho mọi người, thì không gọi là ma.

Phàm thọ khổ thọ vui đều là ma. Vì khi bị chê trách hay bị mắng chửi liền nổi giận, khi đã nổi giận thì tâm trí mê mờ không còn sáng suốt. Hoặc khi được khen được trọng, sanh kiêu căng ngã mạn, thì

tâm trí cũng mê mờ không sáng suốt. Nên nói thọ lạc hay thọ khổ đều là ma. Tuy nhiên, ma hay phương tiện đều do nơi mình. Nếu mình mê lầm để cho nó làm chướng ngại việc tu hành, che khuất Phật tánh, mất giống trí tuệ, thì đó là ma. Ngược lại, mình biết lợi dụng nó để tu hành được giác ngộ thì đó không phải là ma, mà là phương tiện. Tưởng ấm, hành ấm, thức ấm cũng đều như vậy.

Người chân chánh tu hành đối với thân năm ấm này, phải khéo sử dụng để tu hành cho được giác ngộ, đừng để nó biến thành ma che khuất Phật tánh, mất giống trí tuệ, không giác ngộ.

3. Ma chết: là con người sau khi chết thành yêu, thành quỷ, hiện hình kỳ quái nhát người sống, hoặc làm cho người sống đau bệnh hay chết. Hoặc người tu hành chân chánh đang tinh tấn dụng công tu

hành tiến bộ, bị vô thường đến chết đi, làm dở dang đứt đoạn sự tu hành, cũng gọi là ma chết.

4. Ma trời: là ma vương và ma chúng ở cõi trời Dục giới, có khả năng biến hóa làm trở ngại việc tiến đạo của người tu hành lúc sắp thành đạo. Thái tử Sĩ-đạt-ta lúc sắp thành đạo, thiên ma hiện hình mỹ nữ, để cám dỗ ngài trở lại hưởng dục lạc thế gian, không muốn ngài thành Phật. Vì thiên ma muốn ai cũng đắm chìm trong ngũ dục, để chịu sự thống trị điều khiển của nó, nên khi thấy Thái tử sắp thành Phật, nó hiện ra để phá, làm chướng ngại việc thành đạo của ngài.

Lại nữa thiên ma còn lẫn lộn trong mọi tầng lớp người ngoài xã hội và ngay cả trong đạo. Nhiều khi nó ở ngay bên cạnh mà mình không hay không biết. Chẳng hạn người phát tâm tu hành,

không ham muốn danh lợi vật chất nữa, chỉ muốn giữ giới thanh tịnh để được an định giải thoát thôi, nhưng lại có người ở bên cạnh xúi giục hùn hạp làm ăn cho có tiền của, để tu cho thoải mái khỏi nợ thí chủ, hoặc xúi giục theo đường tranh danh đoạt lợi, để hưởng ngũ dục thế gian, đó cũng gọi là thiên ma.

Tóm lại, bất cứ ai quyến rũ xúi bảo người tu tranh danh đoạt lợi, hưởng thọ dục lạc thế gian, đều là thiên ma. Như vậy, lúc nào và nơi nào bên cạnh chúng ta cũng đều có thiên ma. Vì thế chúng ta phải thường xuyên cảnh giác, để đường tu chúng ta không bị lùi bước. Phật dạy người tu tinh tấn chẳng những phá được phiền não ác nghiệp, mà còn tồi phục được bốn ma, thì sẽ ra khỏi ngục năm ấm và ngục tam giới. Tại sao Phật nói thân năm ấm này là nhà ngục? Vì con người lúc nào

cũng mê chấp thân này là thật là ngã, nên Phật tánh bị che khuất, trí tuệ lu mờ, phiền não bao vây, nghiệp chướng trói buộc, vì vậy mà nói thân năm ấm là nhà tù.

Tam giới là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Cõi chúng ta đang ở là Dục giới, nên chúng sanh ở cõi này, đa số đều bị lòng tham muốn ngũ dục lôi cuốn thúc đẩy. Phật nói: *Tam giới vô an du như hỏa trạch*. Chúng sanh còn ở trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, đều không được an ổn, giống như đang ở trong nhà lửa vậy. Tại sao? Vì chúng sanh ở ba cõi này luôn luôn bị lửa vô thường thiêu đốt, sanh lên chỗ này rồi tử, sanh lên chỗ kia rồi tử; cứ sanh tử, tử sanh, lộn đi lộn lại không biết bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp, không bao giờ ra khỏi. Nên nói tam giới là nhà tù, nhà ngục.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ nói: Ông Trưởng giả có một ngôi nhà đang bị lửa cháy lớn, các con ông đang ở trong nhà mải mê vui chơi, không hề hay biết nhà cháy và sắp cháy tới thân mình. Ông Trưởng giả thấy đám con dại khờ, ngu si, lửa cháy mà không biết tìm đường chạy thoát, cứ mải mê vui chơi. Ông thương xót các con, gọi chúng ra khỏi nhà, hứa cho xe dê, xe nai, xe trâu. Nghe cha cho xe, các người con ham, mới chạy ra khỏi nhà và thoát nạn lửa cháy. Ông Trưởng giả dụ cho đức Phật, nhà cháy dụ cho ba cõi đang bị lửa vô thường thiêu đốt, con ông Trưởng giả, dụ cho chúng sanh đang thọ hưởng dục lạc trong ba cõi, mà không biết ngũ dục là vô thường, cứ mải mê thọ hưởng không biết tìm đường thoát ra, giống như đang ở trong nhà tù vậy. Người tu cốt yếu là thoát ra ngoài vòng luân hồi sanh tử của tam giới, để được tự do tự tại, chứ đâu

phải chỉ quanh quẩn trong tam giới hưởng dục lạc thế gian! Vì thế mà Phật dạy phải tinh tấn tu hành, để thoát khỏi nhà năm ấm và nhà tam giới đang trói buộc chúng ta.

Như vậy, mỗi người chúng ta ai cũng có Phật tánh (chân tâm) và ai cũng có ma chướng. Nên trên đường tu hành, chúng ta phải nỗ lực tinh tấn phá phiền não nghiệp ác, hàng phục ma chướng, bảo nhậm Phật tánh càng ngày càng tỏ sáng. Chúng ta biết như vậy rồi, thì cứ ngay nơi tâm mình mà tu hành, chứ không mong cầu ở ai khác bên ngoài. Muốn thành Phật thì nuôi lớn tánh Phật ngày càng tỏ sáng càng viên mãn, kết quả sẽ thành Phật. Nếu muốn thành ma thì trưởng dưỡng tham sân si... nơi mình càng ngày càng lớn mạnh thì sẽ thành ma.

Thành Phật hay làm ma là do mình, ở đây chúng tôi chỉ có trách nhiệm chỉ cho quý vị biết điều nào nên làm, điều nào không nên làm, để quý vị tự tu sửa và nhận được sự lợi ích trong việc tu hành.

Âm:

Đệ ngũ giác ngộ:

Ngu si sanh tử.

Bồ-tát thường niệm,

Quảng học đa văn,

Tăng trưởng trí tuệ,

Thành tựu biện tài,

Giáo hóa nhất thiết,

Tất dĩ đại lạc.

Dịch:

Thứ năm lại thêm giác ngộ:

Ngu si vốn là gốc khổ luân hồi.

Bồ-tát thường nhớ không ngơi,

Nghe nhiều học rộng chẳng lơi chút nào.

Vun bồi trí tuệ càng cao,

Biện tài đầy đủ công lao chóng thành.

Đặng đem giáo hóa chúng sanh,

Niết-bàn an lạc còn lành nào hơn.

Giảng:

Đệ ngũ giác ngộ:

Ngu si sanh tử.

Điều giác ngộ thứ năm, Phật dạy ngu si thì bị trầm luân sanh tử. Ngu si đây chỉ cho vô minh là đầu mối của sanh tử luân hồi, là chi thứ nhất của Mười hai nhân duyên: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập... Vô minh theo nghĩa thông thường là không sáng, si mê tối tăm... Theo tinh

thần của đạo Phật, vô minh là không tỏ ngộ chân tâm, không thấy các pháp đúng như thật.

Kinh Viên Giác, chương đầu, Bồ-tát Văn-thù thưa hỏi, Phật giải thích: *Chúng sanh chấp thân tứ đại này là thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh*. Do chấp thân tâm là thật là ngã, nên vì nó tạo nghiệp, rồi theo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử. Chúng ta học đạo giác ngộ là để thấy được cái nhân khiến mình phải trầm luân sanh tử. Thấy rõ ràng, thấy cùng tột, để phá trừ vô minh thoát ra khỏi sanh tử luân hồi. Vậy phá vô minh bằng cách nào?

Bồ-tát thường niệm,

Quảng học đa văn,

Tăng trưởng trí tuệ,

Thành tựu biện tài,

Giáo hóa nhất thiết,

Tất dĩ đại lạc.

Bồ-tát phá vô minh bằng cách hằng nghe nhiều học rộng về Phật pháp, để trí tuệ càng ngày càng tăng trưởng. Học nghe đây không có nghĩa học nghe pháp thế gian, vì pháp thế gian chỉ làm tăng thêm vô minh phiền não, mà phải nghe lời Phật dạy để thực hành đúng phương pháp tu. Song, không phải chỉ riêng hàng Bồ-tát học rộng nghe nhiều, mà tăng ni, Phật tử muốn có trí tuệ để phá mê, cũng phải học rộng nghe nhiều để có kiến giải chân chánh, giản trạch pháp tu cho hợp với trình độ mình thì tu không lầm không lạc. Sau đó có hướng dẫn cho ai tu cũng hướng dẫn đúng với chánh pháp.

Tuy nhiên, học để ứng dụng tu thì được lợi mình lợi người; còn học hiểu suông nói suông, chẳng những không tăng

trưởng trí tuệ, mà sanh bệnh kiêu căng ngã mạn, làm chướng đạo không được lợi ích. Hòa thượng Pháp chủ Khánh Anh có dạy:

Tu mà không học là tu mù,

Học mà không tu là đãy đựng sách.

Thế nên chúng ta phải thực hành cả hai mặt học và tu. Học hiểu giáo lý Phật dạy một cách chín chắn sâu rộng, rồi ứng dụng lời Phật dạy cho đời sống bản thân mình. Lâu ngày thâm nhập Phật pháp, trí tuệ sẽ sáng suốt rộng lớn như biển cả. Khi trí tuệ đã rộng lớn thì thành tựu được biện tài, ra hoằng hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Biện tài được chia làm bốn thứ:

1. Pháp vô ngại biện: nghĩa là đối với pháp Phật dạy, thông suốt hết không còn nghi ngờ gì cả.

2. Nghĩa vô ngại biện: tức là nghĩa lý sâu xa mầu nhiệm mà Phật dạy trong kinh đều thâm nhập, thấu triệt không còn gì nghi ngại.

3. Từ vô ngại biện: nghĩa là những ngôn ngữ của từng địa phương đều nói thông suốt không trở ngại.

4. Nhạo thuyết vô ngại biện: là thông suốt nghĩa lý Phật pháp và ngôn ngữ từng địa phương. Khi giảng nói Phật pháp cho người nghe, đều khế hợp với căn cơ trình độ khiến họ vui nghe, không chán ngán.

Như vậy, trước là do học tu mà được sáng suốt an lạc, đó là tự lợi hay tự giác, kế đến là lợi tha hay giác tha. Muốn giáo hóa người, phải thâm hiểu giáo lý Phật dạy, phải thông thạo ngôn ngữ, sau đó tùy căn cơ tùy hoàn cảnh, mà giảng dạy hướng dẫn đưa người từ chỗ tối tăm đau khổ đến chỗ sáng suốt an vui. Cái vui mà người tu

Phật đạt được, không phải là cái vui tầm thường ở thế gian. Cái vui của người thế gian là do thọ hưởng ngũ dục, còn trong vòng đối đãi hơn thua được mất... Thí dụ người làm ăn gặp thời, được lợi nhuận gấp đôi gấp ba lúc bình thường, thì lòng vui vẻ mặt tươi cười hớn hở. Tuy nhiên niềm vui đó không lâu, chỉ trong một thời gian là mất. Vì hết thịnh đến suy, làm ăn thua lỗ hay gặp chuyện bất như ý xảy đến, lại buồn khổ bất an.

Cái vui mà Phật nói ở đây là cái vui lớn của người gắng công tu hành, hết vô minh phiền não thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Cái vui này kinh Đại thừa gọi là Niết-bàn tịch tĩnh, không bị hạn cuộc trong thời gian. Thế nên người tu khi đạt đến giác ngộ giải thoát, thì giờ nào phút nào tâm cũng được an vui. Cái vui của người thế gian và người xuất thế gian

khác nhau. Người thế gian vui theo ngũ dục, hết vui liền khổ, khi vui thì cười nói náo động ồn ào...

Người xuất thế giác ngộ, hết khổ được vui, niềm vui nhẹ nhàng vĩnh viễn. Người thế gian suốt ngày tìm tòi nắm bắt cái vui cỏn con, nhưng được rồi lại mất.

Thế nên Phật dụ như người vớt bong bóng nước, vừa thấy bong bóng đẹp lóng lánh, đưa tay vớt, nó liền tan mất. Cái vui của người thế gian là cái vui trá hình của sự đau khổ, là cái vui của kẻ mê, là cái vui của chúng sanh. Còn cái vui của người xuất thế là cái vui vĩnh viễn của người tỉnh giác có trí tuệ, là cái vui của Bồ-tát, Phật.

Chúng ta thấy kẻ mê và người trí có thái độ sống rất khác biệt. Chúng sanh vì mê lầm, nên cứ tìm cầu chạy theo những cái vui nhỏ giả dối tạm bợ, không biết mệt

nhọc nhàm chán. Còn hàng Bồ-tát trí tuệ sáng suốt, biết rõ cái vui ngũ dục giả dối tạm bợ, vui đó liền khổ, nên tránh, luôn luôn đem nghị lực ý chí để tu hành, tìm cái vui chân thật cho mình và giúp cho người được vui.

Tóm lại, người đời ai cũng sợ khổ tìm vui. Song, tùy theo người trí hay ngu mà tránh khổ nhỏ hay khổ lớn và tìm vui nhỏ hay vui lớn. Người ngu thì sợ cái khổ nhỏ như đói khát, lạnh nóng... để tìm cái vui nhỏ là có tiền của nhiều, có nhà lầu, xe hơi, ở sang, ăn ngon v.v... Trái lại, người trí thì sợ cái khổ sanh, già, bệnh, chết vô thường thiêu đốt, nên tìm cái vui lớn là cái vui bất diệt Niết-bàn giải thoát. Vậy chúng ta hãy nghiệm xét lại xem mình là ngu hay trí, là chúng sanh hay Bồ-tát? Làm Bồ-tát hay chúng sanh là tùy mình chứ không do ai khác. Trong cuộc sống hằng ngày nếu

ba nghiệp chúng ta thiện, phù hợp với đạo giải thoát thì cứ như thế mà tiến cho đến khi được giác ngộ giải thoát hoàn toàn mới thôi. Ngược lại, nếu ba nghiệp chúng ta hay làm ác, xuôi theo hướng si mê của chúng sanh, thì phải cố gắng sửa đổi cho lương thiện phù hợp với đạo, để được lợi lạc ngay trong đời hiện tại và mai sau. Tu là ở chỗ đó, biết việc làm nào mê lầm đưa đến khổ đau thì mau chừa bỏ, biết tỉnh giác đưa đến sự an vui thì huân tu cho thuần thục. Nếu người không chịu chuyển mê lầm thành giác ngộ thì dù có đi chùa thường, lạy Phật nhiều, luôn cầu nguyện để được hết khổ, chắc chắn người ấy không được toại nguyện.

Vậy, người Phật tử chân chánh nên biết cái vui thế gian là cái vui tạm bợ, cái khổ đói cơm, thiếu áo... cũng là cái khổ tạm bợ nhỏ nhoi, có thể chuyển khổ thành

vui được, chớ nên kêu than rên xiết. Phải nhớ đến khổ lớn của vô thường sanh, già, bệnh, chết, mong cầu thoát ra và cố gắng tu hành để được vui Niết-bàn vĩnh viễn.

Quý vị đừng nghĩ rằng kinh này Phật dạy cho hàng Bồ-tát, chúng ta là kẻ không có phần rồi không tu, mà tất cả người tu Phật dù tại gia hay xuất gia, nếu muốn thành tựu quả Phật thì chúng ta phải thực hành hạnh Bồ-tát, tức là chúng ta phải vận dụng trí tuệ quán sát các pháp đúng như thật như lời Phật dạy để đoạn gốc vô minh, trí tuệ dần dần tăng trưởng, tự lợi lợi tha đầy đủ. Không mong cầu quả vị Bồ-tát cũng nghiễm nhiên là Bồ-tát.

Âm:

Đệ lục giác tri:

Bần khổ đa oán,

Hoạnh kết ác duyên,

Bồ-tát bố thí,

Đẳng niệm oán thân,

Bất niệm cựu ác,

Bất tắng ác nhân.

Dịch:

Thứ sáu phải nên giác biết:

Con người nghèo khổ lắm chiêu oán hờn.

Không duyên tạo ác đâu sờn,

Bồ-tát bố thí, ai hơn kẻ này.

Lòng không còn thấy kia đây,

Ít khi nhớ đến buồn gây thuở nào.

Dù người làm ác biết bao,

Một lòng thương xót, khổ đau cứu giùm.

Giảng:

Đệ lục giác tri:

Bần khổ đa oán,

Hoạnh kết ác duyên.

Điều giác ngộ thứ sáu, Phật dạy Bồ-tát khi làm việc lợi tha phải biết tâm bệnh của chúng sanh là quá nghèo khổ nên hay oán hận, hay kết nhiều duyên ác. Phàm người nghèo khổ có nhiều oán hận là vì thiếu thốn vật chất, lúc nào cũng bị những điều bất như ý bức bách ép ngặt, không bực dọc với người ngoài thì bực bội trong gia đình. Nếu có ai động chạm tới là họ quạu quọ nổi sân giận làm hung làm dữ. Nhất là người không biết tu, không thông lý nhân quả, khi lâm vào cảnh nghèo khổ đói cơm rách áo thì oán trời trách đất.

Thấy người giàu có hơn mình là sanh tâm đố kỵ, thấy người quyền quý hơn

mình là sanh tâm oán ghét, lúc nào cũng có mặc cảm không tốt với người hơn mình; mặc dù người quyền quý giàu có biết tu, không hề khinh chê hay làm phiền lòng họ mà họ vẫn ghét. Vì họ cảm thấy họ khốn khổ đủ điều, còn người giàu sang quyền quý sung sướng đủ cách. Do mặc cảm không tốt đó, không duyên cớ gì mà cấu kết duyên ác xấu, gây kết oan trái với người. Vì vậy mà người nghèo học đạo khó, ngược lại người đủ ăn đủ mặc ít bị những bực bội ép ngặt thì dễ tu.

Là Phật tử đã học Phật pháp, thấu suốt lý nhân quả, nếu hiện tại lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ, hiểu rằng mình trước đã gieo nhân keo kiệt bỏn sẻn, không biết giúp đỡ ai, lại thêm tham lấy của người. Đã lỡ gieo nhân xấu nên ngày nay nghèo khó, vui chịu không oán trách than van, nỗ lực xả bỏ tâm keo kiệt bỏn

sẻn, chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt. Cố gắng phát triển hạnh lành phát tâm bố thí giúp đỡ mọi người, đó là đoạn cái nhân nghèo khổ, sẽ được giàu có an vui về sau.

Có nhiều Phật tử than nghèo, cơm không đủ no, áo không đủ mặc, của cải vật chất không có, lấy gì để bố thí? Quý vị nghiệm lại xem, trong đời này có ai nghèo đến nỗi không dư vài ba hột cơm để bố thí cho kiến ăn, hoặc không dư một mảnh vải để băng bó vết thương cho người bị nạn! Chắc chắn ai cũng có những món tối thiểu này.

Tu không phải đợi có tiền nhiều bố thí cúng chùa mới là làm phước, chúng ta biết thương người, nghĩ đến người, tùy theo khả năng, phương tiện sẵn có của mình mà giúp đỡ người. Chẳng hạn nhường chỗ ngồi cho người già yếu khi xe chật, phụ giúp người đi đường gánh bưng quá nặng

v.v... Như vậy là chúng ta chuyển đổi tâm niệm keo kiệt bỏn sẻn thành tâm bố thí lợi tha, chuyển đổi hành động xấu ác thành lương thiện làm lợi ích cho người vật.

Người nghèo mà sống như thế thì đâu có kết duyên ác gây oán hận với ai. Ngược lại, cứ khư khư ôm ấp tâm niệm xấu xa oán hờn, đã khổ lại chồng chất thêm khổ. Thế nên người Phật tử nghèo hiểu rõ lý nhân quả, phải khéo tu để chuyển đổi hoàn cảnh nghèo nàn đau khổ của mình, trở thành an vui sung sướng trong hiện tại và mai sau.

Ở trước Phật chỉ cho biết nhân luân hồi sanh tử là vô minh. Đến đây Phật dạy gốc nghèo khổ là keo kiệt bỏn sẻn, tham lam lấy của người. Phải nỗ lực cố gắng tu để phá trừ nó.

Bồ-tát bố thí,

Đẳng niệm oán thân,

Bất niệm cựu ác,

Bất tắng ác nhân.

Do vì người nghèo khổ hay có tâm bệnh oán hờn, tạo nhiều nghiệp ác, nên Phật dạy Bồ-tát khi làm việc lợi tha, gặp người nghèo khổ như đã nói thì phải thông cảm cho họ. Nếu họ lỡ kết oán gây hờn thì Bồ-tát hoan hỷ tha thứ và đem lòng từ bi bình đẳng mà đối xử, không phân biệt thân sơ. Tùy theo tâm niệm hoàn cảnh sở cầu của họ, biết họ đang bị khổ ách nào chi phối, đang cần cầu điều gì, theo đó mà giúp cho phù hợp. Như thế mới có kết quả tốt, giống như lương y tùy bệnh cho đúng thuốc thì bệnh mau lành.

Cũng vậy, tăng ni hay Phật tử chẳng những thương cái khổ hiện tại của người bần cùng, mà còn thương cái khổ vị lai của họ nữa. Tìm hiểu tâm niệm hoàn cảnh của từng hạng người để giúp đỡ họ. Phật dạy

do nghèo khổ mà phần đông chúng sanh có tâm oán hờn và kết nhiều duyên ác, nên khi gặp những người có hoàn cảnh như vậy, thì phải phương tiện giúp cho họ bớt khổ, nghèo thiếu trong hiện tại, sau đó hướng dẫn cho họ học hiểu đạo lý, biết nhân nào là ác xấu, phải chịu quả báo khổ đau thì nên tránh, nhân nào là tốt, cần phải làm để được an vui lợi ích.

Khi tăng ni hay Phật tử ra làm lợi ích cho chúng sanh, luôn nhớ chúng sanh nghèo khổ, nhiều lòng tham, nhiều oán hờn. Chẳng hạn đi phát gạo phát tiền, họ lãnh rồi trở lại lãnh nữa, lãnh nhiều lần như vậy; hoặc họ đến muộn, phẩm vật chia đã hết, họ tức giận chửi mắng. Chúng ta nên thông cảm và thương họ đang bị nghèo khổ ép ngặt, mất sự sáng suốt bình tĩnh, tha thứ và an ủi họ mà không buồn giận.

Phật lại dạy thêm, Bồ-tát khi bố thí là do lòng từ bi bình đẳng, đối với kẻ oán người thân đều bố thí ngang nhau, không nhớ nghĩ những điều ác mà họ đã làm ngày xưa và cũng không hề ghét bỏ người hung dữ. Việc làm này hơi cao, người thường khó thực hiện được. Nhưng đó là tinh thần Đại thừa, nhằm lấy ân báo oán, khởi tâm từ bi hỷ xả, vong kỷ lợi tha.

Nên khi ra làm việc, chúng ta cần phải xem xét tâm niệm mình có còn vị kỷ không? Có còn thân sơ không? Có còn nhớ nghĩ đến oán cừu xưa không? Nếu còn thì phải tiến tu hơn nữa, để chuyển hóa tâm niệm nhỏ hẹp cho xứng đáng với lời Phật dạy. Vì nếu chúng ta còn vị kỷ thì không thể nào thực hiện đúng lời Phật dạy. Giả sử có người giàu có quyền thế lấn áp chúng ta, sau đó họ sa cơ thất thế nghèo khổ, ngược lại chúng ta được quyền thế

giàu có. Trong một dịp đi bố thí gặp lại người lấn áp mình ngày xưa, chúng ta không hoan hỷ cho người đó. Như vậy là chúng ta còn nhớ lỗi xưa của họ, chúng ta còn tâm vị kỷ hẹp hòi, chưa có tâm hỷ xả. Bồ-tát thì không như vậy, dù xưa họ có làm khổ các ngài, nay thấy họ khổ, các ngài vẫn ra tay cứu giúp.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật dạy: *Bố thí cho một trăm người dữ ăn không bằng bố thí cho một người hiền. Bố thí cho một ngàn người hiền, không bằng bố thí cho người giữ năm giới. Bố thí cho mười ngàn người giữ năm giới, không bằng cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn... Cúng dường một trăm ức vị Bích-chi Phật không bằng cúng dường một vị Phật.* Nghĩa là bố thí cho người tu cao chừng nào, thì có phước nhiều chừng nấy. Song, tại sao kinh này Phật lại dạy bố thí phải bình

đẳng? Đồng là lời Phật dạy sao có sự mâu thuẫn nhau?

Vậy kinh nào dạy đúng với tôn chỉ của Phật?

Tôi xin đưa ra một thí dụ để giải thích đoạn này cho quý vị hết nghi ngờ. Phật tử nào lớn tuổi có con đông khéo dạy dỗ con thì sẽ thông cảm điều này. Khi con còn nhỏ, quý vị thường dạy: "Con phải chọn bạn mà chơi, đứa nào hiền lành siêng học nên thân cận gần gũi, đứa nào hung dữ biếng nhác nên tránh xa, vì gần nó sẽ nhiễm những thói hư tật xấu, mà hỏng cả cuộc đời". Khi con khôn lớn học hành thành tài, có đức hạnh trí tuệ vững vàng, quý vị lại khuyên con: "Con hãy coi bạn bè, đứa nào nghèo khó, kém đạo đức nên tới lui giúp đỡ cho nó được tốt được vui...".

Sở dĩ quý vị khuyên dạy các con như thế, là vì con quý vị có đủ khả năng tự chủ

và làm lợi ích cho người, góp phần xây dựng cho xã hội được tốt đẹp, chứ không còn đóng khung bằng cách dạy con phải gần người hiền người tốt mãi. Cũng như thế, người mới tu, tập khí tham sân si phiền não còn dày, mà sức huân tu còn kém, nên Phật dạy tránh xa người dữ, gần gũi người trí người hiền để được duyên thuận, được yên ổn dễ tu dễ tiến. Đến khi phiền não tham sân si cạn mỏng, đạo lực vững, có đức tự chủ không bị chi phối bởi nghịch duyên, thì Phật dạy nên giúp đỡ làm lợi ích mọi người, giúp kẻ dữ người hiền như nhau. Người mới tu đạo lực non yếu cần bạn lành duyên tốt để tiến, còn tu lâu có đạo lực, nếu ở trong cảnh thuận hoài sẽ bị chìm trong ấy không tiến được.

Giả sử có người tu lâu, ăn trên ngồi trước mọi người, Phật tử đến chùa đều đảnh lễ cúng dường, muốn gì được nấy,

tha hồ hưởng thụ, không gặp khó khăn thử thách nên không biết mình tu đến đâu? Tuy tu mà không có ai chọc phá nên không biết sân giận phiền não còn hay hết.

Hoặc không có ai bỏ đói, đâu có biết kham nhẫn cơn đói đến đâu? Vì vậy, giai đoạn sau của người tu, cần phải có thử thách, để trắc nghiệm xem tu đã thật sự tiến bộ chưa? Có đối xử bình đẳng giữa kẻ xấu người tốt, kẻ sơ người thân chưa?

Thế nên tu trong cảnh thuận được an ổn thấy có tiến bộ, thì chưa tin mình đã tiến thật sự, an ổn thật sự. Khi nào gặp nghịch duyên thử thách mà vẫn thản nhiên an ổn vượt qua thì mới thật là tiến bộ. Thí dụ tôi tuyên bố tu hạnh nhẫn nhục, nhưng tôi cứ ở trong cảnh thuận, không có người đến chửi mắng khi dể, vu oan giá họa, thì làm sao tôi biết được tâm nhẫn nhục của tôi đến đâu? Người tu khi phát

nguyện tu hạnh nào, cần phải có duyên nghịch để thử thách cho vượt qua mới thành tựu hạnh tu. Giống như đứa học trò qua một năm học, cuối năm, chịu sự khảo hạch của giám khảo, trả lời đúng mới được đậu. Việc tu hành nói thì dễ, tưởng tượng thì dễ, sống trong thuận cảnh cũng dễ. Nhưng, đối diện với thử thách, vượt qua một cách thản nhiên, không bị sân si phiền não làm ô nhiễm mới thật là khó.

Thế thường, người đời khi bị chửi mắng, đánh đập, lấn hiếp thì cho đó là ma quỷ theo phá không cho tu. Ngược lại, đối với người tu Phật, thấy đó là Bồ-tát nghịch hạnh, giúp cho mình cái duyên thù thắng để sớm thành tựu viên mãn công hạnh tu hành. Vậy khi quý vị phát tâm tu, nếu gặp duyên thuận gần gũi được bạn lành tận tâm giúp đỡ mọi mặt, thì biết đó là thiện hữu tri thức ở mặt thuận, chúng

ta cũng phải nỗ lực tu tiến, chớ bằng lòng trong cảnh thuận rồi quên tu. Nếu gặp nghịch duyên, người xấu ác phá phách làm chướng ngại, thì biết mình đang gặp thiện hữu tri thức ở mặt nghịch, chúng ta càng cố gắng nỗ lực vượt qua, không thối chí nản lòng bỏ tu. Đối trước người giúp đỡ hay làm chướng ngại mình vẫn bình thản, tâm không chao động, ấy mới là oán thân bình đẳng, khi giúp đỡ họ thì giúp như nhau tâm không thiên vị. Hiểu như thế, chúng ta sẽ không thắc mắc khi đọc kinh Pháp Hoa thấy Phật kể chuyện Đề-bà-đạt-đa trải qua nhiều kiếp về trước, tạo nhiều duyên nghịch trong đời tu hành của Phật. Sau đó Phật kết luận Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ngài, nhờ thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa mà ngài mau thành tựu Phật quả.

Người tu mà chỉ mong gặp cảnh thuận, gặp người hiền thì không biết rõ khả năng tu của mình. Người mong ước như thế chỉ tu với Phật chứ không tu với chúng sanh. Song, Phật không cần chúng ta tu với ngài, vì lạy Phật hoài ngài cũng không mừng, chê Phật mãi ngài cũng không buồn. Thế nên không cần tu với Phật, mà phải tu với chúng sanh, thì sự tu hành mới có ý nghĩa. Muốn được như thế, phải luôn nhớ người chửi mắng gây phiền chướng cho mình, biết đâu là Bồ-tát thị hiện giúp mình tu tiến.

Chúng ta không nên tưởng Bồ-tát là những vị từ trên trời giáng xuống, có hào quang có phép linh, để chúng ta đến đảnh lễ cầu xin việc này việc nọ. Bồ-tát hiện thân rất thực tế, có khi lại tầm thường, ở bên cạnh mà chúng ta không biết. Sách xưa ở Trung Hoa có ghi lại câu chuyện:

Tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai có hai vị Bồ-tát tên Hàn Sơn và Thập Đắc. Ngài Hàn Sơn không ai biết rõ tông tích. Một hôm trời lạnh như cắt, ngài từ trong núi lạnh đi ra, quần áo rách rưới bẩn thỉu, vô chùa xin ở. Do từ núi lạnh đi ra, nên ngài được gọi tên là Hàn Sơn. Còn ngài Thập Đắc thì do thiền sư Phong Can đi khất thực về, gặp đứa bé bị bỏ bên đường bơ vơ, ngài đem về chùa nhờ nuôi, đặt tên là Thập Đắc, nghĩa là lượm được.

Hai vị sống trong chùa rất là bần hàn, ăn thì không ngồi trên quá đường như chúng, lại ra sau bếp lượm cơm dư cơm đổ, lọc rửa lại để ăn. Ngủ thì ngủ ngoài hiên chùa, sống không cần ai biết đến. Tuy nhiên, các ngài sống rất vô tư hồn nhiên. Sau khi thiền sư Phong Can tịch, quan tri phủ ở gần chùa bị bệnh, mộng thấy ngài

Phong Can chỉ cho món thuốc, ông uống lành bệnh, nên ông rất tin tưởng ngài.

Lại một hôm ông mộng thấy ngài Phong Can bảo ông có muốn đảnh lễ Bồ-tát, thì đến chùa Quốc Thanh tìm hai ngài Hàn Sơn và Thập Đắc mà đảnh lễ, hai ngài là Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền thị hiện. Quan tri phủ đến chùa tìm, Hòa thượng trụ trì bất đắc dĩ cho gọi hai ngài ra. Tuy thấy hai ngài ăn mặc lôi thôi dơ bẩn, thái độ ngây ngô, nhưng ông vẫn đảnh lễ. Hai ngài biết tông tích mình đã bại lộ liền cõng nhau chạy vô núi, mất luôn. Đó là Bồ-tát thật mà mọi người không nhận ra được.

Nên người đời thường ỷ mình khôn lanh, tranh giành hơn thua, lắm khi phạm tội với Bồ-tát mà không hay!

Tóm lại, điều giác ngộ thứ sáu Phật dạy Bồ-tát khi làm việc lợi tha, phải biết

rõ tâm lý hoàn cảnh căn cơ của từng người, thực hành lòng từ bi bình đẳng, không phân biệt thân sơ ân oán, tha thứ mọi lỗi lầm cho người, nhất là thương xót cứu giúp người nghiệp chướng nặng nề tạo nhiều tội ác.

Âm:

Đệ thất giác ngộ:

Ngũ dục quá hoạn.

Tuy vi tục nhân,

Bất nhiễm thế lạc,

Thường niệm tam y,

Ngõa bát pháp khí,

Chí nguyện xuất gia,

Thủ đạo thanh bạch,

Phạm hạnh cao viễn,

Từ bi nhất thiết.

Dịch:

Thứ bảy là thường giác ngộ:

Năm dục hằng gây lầm lỗi ngất trời.

Tuy người thế tục ngoài đời,

Mà lòng không nhiễm vui chơi thế tình.

Ba y thường nhớ của mình,

Ngày nào sẽ được ôm bình ngao du.

Chí mong lìa tục đi tu,

Đạo gìn trong sạch chẳng lu không mờ.

Hạnh lành cao vút kính thờ,

Thương yêu tất cả không bờ bến đâu.

Giảng:

Điều giác ngộ thứ bảy, đức Phật dạy cho hàng cư sĩ tại gia hạnh *ly nhiễm xuất thế*. Nghĩa là lìa xa ô nhiễm và ra khỏi thế gian. Vì sao? Vì năm dục tài, sắc, danh, thực, thùy hay sắc, thanh, hương, vị, xúc là lỗi lầm là tai họa, khiến cho con người chịu nhiều khổ đau truyền kiếp.

Thế nên người cư sĩ tại gia biết rõ tai họa của năm dục, thân tuy còn trong thế tục, mà không nhiễm trước dục lạc thế gian, lại còn nuôi chí nguyện xuất gia để thực hành hạnh tự giác giác tha. Nghĩa là tâm thường nhớ tưởng mong cầu ngày nào đó, mình sẽ được xuất gia thoát tục, đắp y mang bát đi khất thực, sống phạm hạnh thanh tịnh, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, chứ không ở hạn hẹp trong phạm vi gia đình nhỏ bé.

Vì thế mà người Phật tử học đạo có tâm cầu tiến, phải nuôi chí xuất trần siêu việt không tự mãn mình là cư sĩ tu giữ năm giới đủ rồi. Người có quan niệm như vậy là người không cầu tiến, đã giẫm chân đứng tại chỗ. Chúng ta tu cũng giống như học trò đi học, học hết chương trình cấp một, phải lên cấp hai, cấp ba rồi lên đại học. Nếu chỉ học cấp một rồi dừng ngang đó, thì kiến thức chẳng được bao nhiêu và không thể dạy lại cho người sau. Nếu đời này Phật tử lỡ tạo những nghiệp duyên ràng buộc, chi phối khó tu không thể cắt gỡ ra được, phải cố gắng gieo duyên lành, nguyện đời sau sớm gặp Phật pháp để xuất gia. Nếu không nuôi chí nguyện như thế, thì đời này kiếp khác mải vướng bận trần lao, không bao giờ ra khỏi. Vì sao? Vì đời sống của người cư sĩ tại gia lắm điều ràng buộc, nhiều chướng duyên ngăn ngại khó tu khó tiến. Nhìn vào lịch sử, chúng

ta thấy hai vị Giáo chủ của hai tôn giáo lớn là Phật và Chúa, và những bậc đắc đạo giải thoát, đa số là người xuất gia từ bỏ gia đình nhỏ hẹp buộc ràng, sống đời sống vô gia đình vì nhân loại vì chúng sanh. Tuy nhiên, cũng có vài trường hợp đặc biệt, ở Trung Hoa có Bàng Long Uẩn, ở Việt Nam có Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Thánh Tông là người cư sĩ ở trong trần thế mà không nhiễm bụi trần.

Tóm lại, điều thứ bảy, Phật khuyên hàng cư sĩ tại gia, tuy đang ở trong trần lao ô nhiễm, tâm luôn nhớ dục lạc thế gian là lỗi lầm là tai họa, phải nuôi chí nguyện xuất trần, giữ phạm hạnh thanh tịnh làm lợi ích cho chúng sanh.

Âm:

Đệ bát giác tri:

Sanh tử xí nhiên.

Khổ não vô lượng,

Phát đại thừa tâm,

Phổ tế nhất thiết.

Nguyện đại chúng sanh,

Thọ vô lượng khổ,

Linh chư chúng sanh,

Tất cánh đại lạc.

Dịch:

Thứ tám lại nên giác ngộ:

Tử sanh liên tục khổ đau vô cùng.

Phát tâm dõng mãnh đại hùng,

Quyết lòng độ hết đồng chung Niết-bàn.

Thà mình chịu khổ muôn vàn,

Thay cho tất cả an nhàn thảnh thơi.

Mọi người đều được vui tươi,

Đến bờ giác ngộ rạng ngời hào quang.

Giảng:

Đệ bát giác tri:

Sanh tử xí nhiên.

Khổ não vô lượng,

Phát đại thừa tâm,

Phổ tế nhất thiết.

Điều giác ngộ thứ tám, Phật dạy việc sanh tử của chúng sanh quá nhiều, liên tục không dứt, nên sự khổ não không thể nào kể hết được, mỗi lần chết đi sanh lại là chịu nhiều khổ đau. Hiện tại chúng ta đang mang thân này, là đã trải qua vô lượng kiếp bỏ thân rồi mang thân.

Như vậy thì sự khổ não không thể tính kể. Quý vị thử xét lại xem, như ở

trước đã nói, chỉ một đời này thôi chúng ta cũng đã chịu nhiều đau khổ, huống là trải qua nhiều đời. Khi lọt lòng mẹ mở mắt chào đời cất tiếng khóc vang là một lần khổ, rồi lớn dần, mỗi khi biết lật biết bò, biết ngồi biết đi... là ấm đầu nhuốm bệnh... Khi lớn khôn đi học hay đi làm ăn xa, mỗi lần xa cách là mỗi lần nhớ thương đau khổ. Lại mỗi lần buồn lo, sợ hãi, giận ghét là mỗi lần đau khổ. Lại nữa, mỗi lần yếu đau bệnh hoạn hay chết chóc của người thân hoặc của mình là mỗi lần đau khổ... Một đời người chuyện buồn lo thương ghét giận hờn... xảy ra không biết bao nhiêu lần, không thể tính hết được. Như vậy vô lượng vô số kiếp niềm đau nỗi khổ của chúng sanh làm sao tính đếm được!

Chúng sanh vì mê muội hiện sống trong đau khổ lại tưởng là vui, cứ đắm mình trong đau khổ. Chết đi sanh lại là

khổ mà có ai biết chán biết sợ! Sống trong đau khổ mà nghe nói chết là không ưng. Ai cũng muốn cho mình được sống lâu. Nhưng thử hỏi sống để làm gì? Đa số người đời mong sống lâu để thọ hưởng ngũ dục, chứ không biết nương nhờ mạng sống để tu, để giải quyết cái khổ sanh tử luân hồi. Nhiều người lầm tưởng người tu do chán đời sợ khổ, nên trốn vô chùa để ẩn dương nương Phật, tránh không còn thấy không còn bị khổ nữa. Người tu với tâm niệm như thế thì tu không tiến bộ, không lợi ích.

Người tu cần phải có trí tuệ, trước là phản tỉnh phá trừ vô minh phiền não tự tâm, sau đó phát tâm Đại thừa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Phát tâm Đại thừa làm lợi ích cho tất cả chúng sanh bằng cách nào? Nguyện thay chúng sanh chịu vô lượng khổ. Giả sử có người phạm pháp

bị tội, chính quyền đang truy nã tội phạm. Lúc đó có người phát tâm ra nhận tội thế cho kẻ phạm pháp, chính quyền bắt người nhận tội hành hình chứ không bắt người phạm pháp. Đó là trường hợp thay chúng sanh chịu khổ.

Tuy nhiên, ở đời có mấy ai tốt bụng như thế. Giả sử bị đổ tội thì lại kêu oan không nhận tội. Như vậy với tâm niệm của chúng sanh, ai cũng muốn cho bản ngã mình được sung sướng, luôn bảo vệ cho bản ngã được an ổn, chứ không ai chịu khổ thế cho ai, ngoại trừ hàng Bồ-tát. Song Bồ-tát thay chúng sanh chịu khổ như thế nào?

Trước tôi giải thích những việc của chúng sanh và sự đau khổ của sanh tử. Sau đó mới nói đến thay chúng sanh chịu khổ của Bồ-tát.

Trong kinh có ghi lại đoạn Phật nói về tương lai:

- Qua thời kỳ kiếp giảm, sẽ tới thời kỳ kiếp tăng. Khi tuổi thọ con người tăng lên đến tám mươi bốn ngàn tuổi thì Phật Di-lặc ra đời. Khi Phật Di-lặc ra đời thì có một vị Chuyển luân thánh vương cũng ra đời cai trị thiên hạ bằng chánh pháp. Bấy giờ dân chúng được an cư lạc nghiệp sống đời thái bình. Khi nghe Phật nói như vậy, một vị Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con nguyện tu cho đến khi đức Phật Di-lặc ra đời, con sẽ làm vị Chuyển luân thánh vương đó, để đem giáo pháp của Phật ra giáo hóa chúng sanh.

Đức Phật bèn duỗi ngón tay xuống đất, khơi một chút phân trâu (tập tục Ấn Độ thường dùng phân trâu để tráng nền nhà),

ngài đưa ngón tay có dính phân trâu lên, hỏi đại chúng:

- Ngón tay ta có dính chút phân trâu là dơ hay sạch?

- Bạch Thế Tôn, dơ.

- Như vậy đáng bỏ hay đáng giữ?

- Đáng bỏ.

Phật dạy: Một chút phân trâu dính trên đầu móng tay còn chán sợ phải bỏ, huống nữa là nhiều. Cũng thế, mỗi một lần sanh tử là mỗi một lần khổ đau nhơ nhớp. Nhơ nhớp gấp bao nhiêu lần chút phân trâu này mà ông không biết chán sợ, lại muốn sanh tử nhiều lần, chờ chừng đó để làm Chuyển luân thánh vương có phải là ngu si không?

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ một lần sanh tử là chịu vô số khổ não. Vì vậy, mà phải biết đặt vấn đề: Làm sao giải

quyết việc sanh tử của mình cho xong, để rồi còn giúp người khác giải quyết sanh tử của họ nữa. Khi đã được nghe kinh, sớm giác ngộ, mà cứ quan niệm rằng: "Thôi mình an phận, cứ lo làm phước lành, mong cầu đời sau được giàu sang sung sướng, hưởng phước báo ở cõi trời cõi người...". Người quan niệm như thế là không có tâm muốn thoát ly khổ sanh tử luân hồi, vì khi hưởng hết phước thì sẽ bị đọa. Thế nên người trí phải tỉnh giác, thấy rõ sanh tử là nỗi khổ lớn cần phải thoát ra, chớ có lầm tưởng sống đây là khỏe mạnh là hạnh phúc, rồi không chịu tu hành cứ đắm chìm mãi trong đó.

Ở đây Phật chỉ cho chúng ta thấy vòng sanh tử liên tục, sự khổ não không thể nào đo lường hết được, để chúng ta phát tâm cần cầu thoát ra khỏi vòng khổ não đó và thay chúng sanh chịu khổ.

Thay chúng sanh chịu khổ, không phải thấy người khuân vác gánh gồng ngoài phố ngoài đồng nặng nhọc, chúng ta đến đó xin gánh giùm cho họ. Nếu thay như thế thì chúng ta chỉ thay được vài người thôi, còn bao nhiêu người khác khổ cực ai thay cho họ? Ít người gánh gồng khuân vác nặng nhọc, chúng ta thế được, còn khổ vì bệnh hoạn phiền não, chết chóc thì làm sao thế được? Tất cả bệnh như tim, gan, phổi, ruột... ai đau người ấy phải chịu. Hoặc buồn rầu, lo sợ, giận tức... ai phiền não thì người đó mang. Hay chết chóc, dù con cũng không thế cho cha được, vợ cũng không thế cho chồng được... Chỉ thay bằng cách đem lời Phật dạy, phá mê đánh thức cho người khổ đau tỉnh giác, hết mê lầm, không tạo nghiệp ác để thọ quả khổ, và không còn đi trong luân hồi sanh tử nữa.

Song, đem lời Phật dạy ra nói suông để người nghe suông chưa được, mà tự mình phải chịu cực khổ nhọc nhằn, thức khuya dậy sớm để học để tu, tìm cầu cho ra lý đạo, rồi đem đạo lý được giác ngộ ra giảng giải cho mọi người nghe, và hướng dẫn cho họ tu hành khiến họ giác ngộ, thoát vòng luân hồi sanh tử. Thay cái khổ cho chúng sanh là thay như thế.

Khi xưa, Thái tử Sĩ-đạt-ta (Siddhàta) giác ngộ lý vô thường sanh già bệnh chết khổ đau của kiếp người, ngài liền bỏ cung vàng điện ngọc, đi tu để tìm một lối thoát, trước tự cứu mình sau cứu độ chúng sanh, vì ngài thấy ro mình cũng đang chìm đắm trong sanh tử khổ đau cần phải thoát ra trước, rồi mới có thể cứu người thoát ra sau.

Quý Phật tử nghe Phật dạy thân chúng ta không thật, chỉ là tạm bợ vô

thường là khổ, không, vô ngã, nên sự còn mất của thân này không còn là vấn đề quan trọng nữa, nhờ vậy mà bớt chấp về thân. Bớt chấp thân thì bớt khổ về thân. Thí dụ, từ trước có người bị tai nạn hay đau bệnh thì khóc sướt mướt kêu than thảm thiết. Sau, biết tu hành có tỉnh giác tuy gặp tai họa, ốm đau hay chết chóc, họ không còn lo sợ buồn khổ khóc lóc nữa. Lại, bớt chấp tâm là bớt khổ về tâm. Chẳng hạn người bị mạ lỵ chỉ trích, khi chưa biết tu thì tự ái buồn phiền khổ sở, nhưng khi biết tu thì tự xét lại mình xem có vấp phải lỗi lầm ấy không? Nếu xét thấy có lỗi thì sửa chữa, nếu không có lỗi thì bỏ qua, lòng an ổn, lo tiến tu. Sở dĩ lâu nay chúng ta khổ nhiều là do chúng ta mê mờ thấy biết sai lầm, cùng một sự việc xảy ra mà khi mê thì khổ, lúc tỉnh thì an, có khác nhau.

Ngay trong cuộc sống này, người giác ngộ biết tu đã làm vơi đi mọi sự khổ đau rồi. Như thế, Phật không cứu khổ cho chúng sanh là gì? Tuy nhiên, nói Phật cứu chúng ta, nhưng kỳ thật mình tự cứu lấy mình. Vì nhờ Phật chỉ dạy pháp tu, chúng ta học hiểu và ứng dụng vào cuộc sống, nên bớt khổ an vui, tức là đã tự cứu lấy mình. Như vậy là mỗi người đều có sẵn Phật của mình, nên ở bất cứ trường hợp nào cũng được an ổn. Như trường hợp một Phật tử người Việt gốc Hoa ở Vĩnh Long, giỏi chữ Hán, thâm hiểu Phật pháp. Trước kia sư cụ Huệ Quang có tặng cho Phật tử ấy một cuốn kinh Pháp Bảo Đàn, dặn dò hãy đọc cho kỹ để ứng dụng tu hành. Đạo hữu đọc mãi gần thuộc lòng. Một hôm công việc làm ăn bất ổn sao đó, đạo hữu bị bắt nhốt trong khám. Những người cùng bị giam buồn rầu than oán rên xiết, còn đạo hữu thì nhớ lời Phật dạy cố gắng tu

hành, cứ ngồi thiền hoài, nhờ lo tu mà không thấy khổ. Chúng ta thấy cùng một hoàn cảnh, người không biết tu thì đau buồn khổ não, người thâm hiểu Phật pháp biết tu hành vẫn được an ổn không khổ đau.

Nếu không vạch rõ ra thì quý Phật tử không hiểu, cứ thắc mắc kinh nói Phật cứu chúng sanh, sao chúng sanh khổ mà ngài không hiện ra để cứu? Chớ thiển cận! Đừng tưởng Phật cứu là đưa tay kéo mình lên, hoặc bị nhốt trong khám, Phật mở cửa khám đưa mình ra. Không phải vậy! Phật cứu khổ chúng sanh là chỉ dạy cho thấy rõ lý vô thường khổ, không, vô ngã, rồi chúng sanh nương theo lời Phật dạy tu hành, tự mình thoát khỏi sanh tử khổ đau và cứu giúp người được hết khổ như mình. Hiểu như vậy mới không lầm phát tâm Đại thừa, nguyện thay chúng sanh chịu khổ là

làm mọi việc nặng nhọc thế cho mọi người, mà mọi người phải lưu ý là, chính mình tu cho hết phiền não mê mờ dứt khổ đau, mới đủ khả năng, đủ sáng suốt hướng dẫn người khác tu. Nếu tự mình không tu, không hết phiền não vô minh, trí tuệ chưa sáng, làm sao hướng dẫn người ta tu? Cũng giống như muốn cứu người sắp chết chìm giữa dòng sông, điều kiện tất yếu là mình phải biết lội, lội giỏi, có thuyền bè hoặc phao nổi thì mới cứu được. Ngược lại, nếu thấy người đang lặn hụp sắp chết chìm giữa dòng sông, lòng thương xót muốn cứu vớt, mà không biết lội, không phao nổi, không thuyền bè làm sao cứu? Chỉ thương suông thôi!

Lội giỏi, thuyền bè, phao nổi, chỉ cho sự tu hành, đoạn dứt vô minh phiền não, hết khổ đau, trí tuệ sáng suốt, đạo lực vững vàng. Người như thế mới đủ khả

năng tế độ người đang trầm luân trong sanh tử khổ đau.

Thí dụ quý vị có bạn bè hay thân nhân gặp tai nạn, hoặc làm ăn bị thất bại họ đau buồn khổ sở. Quý vị gặp hoàn cảnh như vậy, cũng buồn rầu khổ não như họ, thử hỏi quý vị có thể khuyên bảo họ bớt buồn bớt khổ được không? Chắc chắn là không. Vì quý vị đâu tỉnh sáng, đâu có lời chân lẽ thật để khuyên. Chỉ khi nào quý vị tu giác ngộ giải thoát rồi, gặp hoàn cảnh xuôi ngược thế nào cũng vẫn an nhiên tự tại, thì mới có thể khuyên họ được. Như vậy, chúng ta phải tự tạo cho mình một đời sống an vui sáng suốt tự chủ. Tức là chúng ta lấy trí tuệ và từ bi làm chiếc bè, làm phao nổi, để chở mình và đưa người qua bể khổ lên bờ giác ngộ.

Hàng Bồ-tát phát tâm Đại thừa, muốn cho chúng sanh được an vui, nên các

ngài phải hy sinh chịu đựng mọi gian khổ, khép mình vào thanh quy giới luật, thức khuya dậy sớm tu hành, mong cầu sớm được giác ngộ giải thoát để rồi giúp chúng sanh cũng được giác ngộ giải thoát. Người tu chân chánh có hai trường hợp xuất gia:

Trường hợp thứ nhất: Thấy cuộc đời lắm chuyện nhiễu nhương đau khổ, sợ khổ mà đi tu. Đi tu để tự cứu mình.

Trường hợp thứ hai: Thấy chúng sanh bị trầm luân trong sanh tử khổ đau không thoát ra được, nên phát tâm đi tu tìm cho ra lối thoát để cứu độ chúng sanh, đó là hàng Bồ-tát Đại thừa đi tu. Cũng như người đóng thuyền để cứu vớt người, chứ không nghĩ đóng thuyền chỉ để chở mình. Nhưng khi chèo thuyền cứu người bị chết chìm, thì mình đã thoát chết rồi. Nghĩa là khi phát tâm nghĩ đến sự lợi tha là mình

đã được phần tự lợi rồi. Tức là chăm lo cứu người là mình đã tự cứu mình vậy.

Trong kinh Phật có kể lại câu chuyện:

Vào một kiếp xa xưa, có người thợ săn giết nhiều thú rừng. Sau khi chết đọa vào địa ngục kéo xe chở vật nặng và bị đánh đập đau đớn khổ sở. Trong khi bị đánh đập khổ sở, thợ săn chợt thấy một cây trụ đồng cháy đỏ, hơi nóng tỏa ra hừng hực, quỷ sứ bắt người ném vào, họ la khóc kinh khủng. Thấy vậy, thợ săn động lòng thương xót, phát thệ nguyện: "Tôi xin chịu khổ một mình trong địa ngục này, để thế cho mọi người, cầu mong mọi người được thoát ra an ổn, không còn khổ sở nữa". Ngay sau đó cảnh khổ của địa ngục không còn đối với người thợ săn.

Do tâm từ bi rộng lớn của người thợ săn, nguyện chịu khổ thế chúng sanh, nên

chuyển hóa được cảnh khổ của ông. Vì vậy nên nói: *Trong lợi tha đã có tự lợi.*

Người tu hành khi thấy chúng sanh bị khổ, cảm nhận như mình bị khổ, đó là người đại phát tâm, đại tu hành. Thế nên khi vì người mà hoan hỷ chịu lao nhọc khốn khó thay cho người, thì không cảm thấy bực bội khổ não, vì tâm cao thượng thương người bộc phát mạnh, lấn át mọi ý niệm khổ đau. Ngược lại người chỉ muốn cho mình được sung sướng an lành mà bị khổ, thì cảm thấy bực bội khổ não vô cùng. Khổ nhiều hay khổ ít là do tâm lượng rộng hẹp của con người mà ra vậy. Ví như người mê mờ, không sáng suốt làm điều sai quấy lỗi lầm, bị quở trách la rầy nên tự ái lo buồn, bèn biện hộ bào chữa, không nhận lỗi. Vì thế chúng bạn nhìn họ với tâm dò xét nghi ngờ. Một người bên cạnh thấy vậy, đứng ra nhận lỗi thay để đánh tan sự dò

xét nghi ngờ trong chúng. Khi bị khiển trách la rầy, người nhận lỗi không thấy buồn khổ, lại còn vui, vì họ có đủ sáng suốt và tự chủ. Quả thật như vậy, khi đã phát tâm thay thế chịu khổ để cứu độ người, thì tâm mình thấy vui mà không thấy khổ. Vì niệm từ bi hỷ xả đã tỏa rộng ra, thì niệm đau khổ đoạn diệt.

Người tu Phật thường lấy cái khổ của người làm cái khổ của mình để lo cứu giúp; lấy cái vui của người làm cái vui của mình, mà không đố kỵ tỵ hiềm thì thường vui hơn là khổ. Để thấy rằng khi phát tâm từ bi rộng lớn, thì tâm niệm ích kỷ khổ đau ngay đó liền tiêu tan, nên hết khổ. Khi nào mọi người đều mở rộng lòng thương cứu giúp cho nhau, thì mọi sự khổ trên thế gian này không còn nữa.

Cho nên hàng Bồ-tát phát tâm Đại thừa, chỉ vì thấy được cái khổ thống thiết

của sanh tử luân hồi, mà chúng sanh đang gánh chịu, nên các ngài khởi nguyện đi vào lục đạo để làm lợi ích cho chúng sanh. Trong kinh nói: *Bồ-tát dĩ lợi sanh vi bản hoài*. Nghĩa là Bồ-tát lấy việc lợi ích chúng sanh làm hoài bão chánh, nên các ngài đi từ nơi này đến chỗ kia, làm tất cả mọi việc, chỉ vì mục đích là cứu độ cho chúng sanh hết khổ.

Người biết thương xót chúng sanh, nỗ lực tu học, để giảng giải cho mọi người thấy rõ cái khổ sanh tử luân hồi, mà chán sợ không tạo tác nhân trầm luân ấy nữa. Người hiểu và làm được như vậy, tự mình dứt khổ đau được vui lớn là giải thoát Niết-bàn. Ở đây không nói riêng hàng Bồ-tát, mà tất cả mọi người trong chúng ta đều nên phát tâm và làm như thế.

Âm:

Như thử bát sự,

Nãi thị chư Phật,

Bồ-tát đại nhân,

Chi sở giác ngộ,

Tinh tiến hành đạo,

Từ bi tu tuệ,

Thừa pháp thân thuyền,

Chí Niết-bàn ngạn,

Phục hoàn sanh tử,

Độ thoát chúng sanh.

Dĩ tiền bát sự,

Khai đạo nhất thiết,

Linh chư chúng sanh,

Giác sanh tử khổ,

Xả ly ngũ dục,

Tu tâm Thánh đạo.

Nhược Phật đệ tử,

Tụng thử bát sự,

Ư niệm niệm trung,

Diệt vô lượng tội,

Tiến thú bồ-đề,

Tốc đăng chánh giác,

Vĩnh đoạn sanh tử,

Thường trụ khoái lạc.

Dịch:

Tám điều như thế dạy qua,

Chính hàng Bồ-tát cùng là Thế Tôn,

Đã từng giác ngộ lẽ chân,

Tiến tu đạo hạnh vô ngần từ bi.

Đốt đèn trí tuệ phá si,

Pháp thân thuyền quý dạo đi Niết-bàn.

Trở vào sanh tử thanh nhàn,

Chúng sanh độ thoát an toàn vui lây.

Lại dùng tám việc trước này,

Mở đường khai lối dắt dìu chúng sanh.

Khiến cho hết thảy biết rành,

Tử sanh khổ não đừng manh chớ mờ.

Xa lìa năm dục đục lờ,

Tâm tu đạo Thánh không giờ nào quên.

Nếu là Phật tử phải nên,

Tám điều như thế hằng đêm tụng hoài.

Ở trong mỗi niệm hằng ngày,

Bao nhiêu tội lỗi diệt rày sạch trơn.

Bồ-đề hoa báu nhẹ thơm,

Trên bờ chánh giác gót chân giẫm liền.

Hằng lìa sanh tử lưu linh,

Thường vui yên ổn tâm tình tiêu tan.

Giảng:

Như thử bát sự,

Nãi thị chư Phật,

Bồ-tát đại nhân,

Chi sở giác ngộ,

Tinh tiến hành đạo,

Từ bi tu tuệ,

Thừa pháp thân thuyền,

Chí Niết-bàn ngạn.

Chư Phật và Bồ-tát, hàng đại nhân được giác ngộ là do tinh tấn tu hành, phát tâm tu hạnh từ bi cứu giúp chúng sanh. Các ngài luôn luôn thắp lên ngọn đuốc trí tuệ nơi tâm mình, để phá trừ si mê mờ tối, kết quả là ngộ được Pháp thân chứng Niết-bàn. Nên nói ngồi thuyền Pháp thân đến bờ Niết-bàn. Đó là phần thứ nhất, chư Phật và Bồ-tát y cứ nơi tám điều này, mà tinh tấn tu hành ngộ Pháp thân chứng Niết-bàn.

Phục hoàn sanh tử,

Độ thoát chúng sanh,

Dĩ tiền bát sự,

Khai đạo nhất thiết,

Linh chư chúng sanh,

Giác sanh tử khổ,

Xả ly ngũ dục,

Tu tâm Thánh đạo.

Sau khi Phật và Bồ-tát đã ngộ pháp thân chứng Niết-bàn giải thoát, các ngài khởi bi nguyện trở lại trong sanh tử, để giáo hóa cứu độ chúng sanh. Tuy cũng lăn lộn trong sanh tử, nhưng các ngài không vì nghiệp hoặc dẫn dắt, mà vì lòng từ bi khởi nguyện cứu độ chúng sanh, nên các ngài ra vào trong sanh tử rất tự tại, không bị phiền não khổ đau bức bách. Lúc giáo hóa, các ngài cũng dùng tám điều giác ngộ đã nêu, để mở đường dẫn lối cho chúng sanh thấy rõ cái khổ của sanh tử luân hồi, để xả bỏ năm món dục lạc thế gian, lo tu Thánh đạo. Đây là phần thứ hai là phần giáo hóa chúng sanh của hàng Bồ-tát.

Nhược Phật đệ tử,

Tụng thử bát sự,

Ư niệm niệm trung,

Diệt vô lượng tội,

Tiến thú bồ-đề,

Tốc đăng chánh giác,

Vĩnh đoạn sanh tử,

Thường trụ khoái lạc.

Phần thứ ba nói: Người đệ tử chân chánh của Phật, mỗi niệm mỗi niệm hằng nhớ tám điều giác ngộ này. Nhờ mỗi niệm hằng nhớ đến tám điều giác ngộ, mà không nhớ tưởng điều gì khác, do đó không tạo tác nghiệp nhân ác, nên tội lỗi theo đó mà dứt. Tại sao? Vì tâm không còn nghĩ đến tư lợi, không nghĩ đến điều hại người hại vật. Lúc nào cũng nhớ nghĩ đến việc tu hành, thường xuyên tỉnh giác, nghĩ nhớ thương chúng sanh tìm phương thế để cứu độ. Người sống được như vậy thì sẽ tiến đến quả Bồ-đề, chóng thành tựu quả Phật. Khi đã đoạn lìa sanh tử vĩnh viễn thì thường được ở trong cảnh an tịnh vui vẻ.

Để quý Phật tử dễ nhớ và nhớ kỹ, tu hành khỏi sợ sai lạc. Tôi tóm lược lời giảng như sau:

1. Điều giác ngộ thứ nhất: Thường thấy thân tâm của mình và sự vật bên ngoài là vô thường không bền chắc không có thật ngã. Phải biết tâm là gốc sanh ra tội ác, chớ mê chấp tâm là thật, là ta. Biết vọng tưởng không thật nên không mê chấp chạy theo nó. Lại cũng biết thân này là rừng tội lỗi, nên không chấp thân là thật, là ta. Thường quán xét như thế để xa lìa khổ luân hồi sanh tử.

2. Điều giác ngộ thứ hai: Nên biết tham cầu nhiều thì khổ đau cũng lắm. Gốc của luân hồi sanh tử là do tham đắm ngũ dục thế gian. Vì vậy mà phải bớt ham muốn. Khi tâm bớt tham cầu ngũ dục thì sẽ được an ổn vui vẻ.

3. Điều giác ngộ thứ ba: Nên biết người nào dục vọng càng nhiều thì tội ác càng lớn. Do đó mà phải dứt tâm ham muốn, không tham cầu ngũ dục. Lúc nào cũng ít muốn biết đủ, an phận nghèo để gìn giữ đạo đức, phát huy trí tuệ, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, không để tâm đuổi bắt danh lợi thế gian.

4. Điều giác ngộ thứ tư: Người lười biếng giải đãi không đoạn trừ nghiệp ác, không tu hạnh lành, thì bị trụy lạc trầm luân. Vì vậy mà phải tinh tấn tu hành, để phá trừ vô minh phiền não, hàng phục các thứ ma chướng, ra khỏi ngục tù ngũ ấm và tam giới.

5. Điều giác ngộ thứ năm: Phải biết gốc của luân hồi sanh tử là ngu si. Vì vậy phải học rộng nghe nhiều về Phật pháp, nhờ thế mà trí tuệ tăng trưởng sâu rộng,

có đủ khả năng, đủ biện tài để giáo hóa chúng sanh.

6. Điều giác ngộ thứ sáu: Nên biết người nghèo khổ nhiều hay sanh oán hận, thường kết nhiều duyên ác, vì vậy không tránh khỏi quả báo khổ đau. Nên người tu phát tâm thương xót họ, thứ tha cho những lầm lỗi hờn oán không duyên cớ của họ. Lại còn đem tâm bình đẳng bố thí giúp đỡ họ, không nhớ lỗi lầm ngày trước mà ghét bỏ họ. Biết và làm được như vậy, mới là người thực hành đúng theo hạnh bố thí của Phật và Bồ-tát.

7. Điều giác ngộ thứ bảy: Biết rõ ngũ dục là tội lỗi là tai họa. Tuy hiện đời là người thế tục mà biết tránh, không đắm mê theo ngũ dục, luôn nuôi chí nguyện xuất gia, muốn gìn giữ giới hạnh nghiêm minh thanh tịnh, sống đời siêu thoát. Tự

làm lợi ích cho mình để rồi khởi lòng từ cứu độ tất cả chúng sanh.

8. Điều giác ngộ thứ tám: Phải biết luân hồi sanh tử liên tục là khổ đau vô cùng vô tận. Nên phát tâm từ bi rộng lớn, nguyện thay chúng sanh chịu khổ và giúp cho tất cả được đến chỗ cứu cánh an lạc là Niết-bàn giải thoát.

Đó là tám điều giác ngộ, mà chư Phật, Bồ-tát đã làm và những người tu Phật chân chánh đang làm. Ai là người muốn học Phật, tu theo Phật thì phải làm những điều này không thể bỏ qua được. Tại sao? Vì học Phật là học giác ngộ. Phàm nói đến học Phật là nói đến đạo lý giác ngộ của Phật và Bồ-tát đã tu đã giác, chứ không phải học thuộc lòng kinh nhiều, hay tụng kinh giỏi mà không tu không giác, rồi cho rằng mình học Phật. Nhớ là không phải như vậy! Giác ngộ những gì? Giác ngộ

từng phần như trước đã kể. Thấy rõ thân người và cảnh vật là vô thường, thấy rõ tham dục nhiều thì khổ đau nhiều... Thấy rõ như vậy là mình đã có mầm giác ngộ, kế đó nhờ trợ duyên thầy sáng bạn tốt làm thiện hữu tri thức, để tiến đến chỗ giác ngộ viên mãn.

Đến đây tôi xin nói rộng ra để quý vị dễ hiểu dễ nhớ, không lầm. Trong kinh này Phật chỉ nói một chiều, chê thân tâm là vô thường, vô ngã, khổ đau, gốc tội lỗi. Nhưng, ở chỗ khác Phật lại nói có thân này là do tích chứa nhiều phước đức mà được. Thế nên làm người phải luôn tự vấn: "Được thân này, sống để làm gì?" Có người đã tự vấn mình, nhưng không giải đáp được. Lại cũng có người không biết mình có thân này sống để làm gì? Phật dạy được thân người là khó, thế nên phải biết lợi dụng thân này để tiến tu cho được giác

ngộ giải thoát, sau dẫn dắt chúng sanh từ chỗ mê mờ đến chỗ giác ngộ, từ chỗ tội lỗi đến chỗ an vui.

Phật dụ người đi biển bị chìm thuyền, không có phao nổi, sóng dồi gió dập, trồi lên hụp xuống mệt lả, bỗng vớ được khúc gỗ mục đang nổi trên mặt biển. Khi ôm khúc gỗ mục, người ấy biết nó là gỗ mục đang trôi nổi, rồi sẽ hư hoại không lâu. Song, người ấy biết rằng mình đang cần nương nó, để lội vào bờ, khỏi bị chết chìm. Khúc gỗ mục ấy, lúc bấy giờ đối với người sắp chết đuối thật là hữu ích, vì nhờ nó mà khỏi chết chìm. Như vậy, mục đích của người dùng khúc gỗ mục không phải để khoe khoang, không phải để tô điểm sơn phết cho đẹp, không phải để quý trọng như một bảo vật, mà khúc gỗ là vật hữu dụng, đang cần để đưa người vào bờ.

Cũng vậy, mọi người cần phải thấy đúng ý nghĩa về thân này. Biết thân này là vô thường tạm bợ không chấp chặt nó, không quý thân này hơn thân khác. Không vì nó mà tạo nghiệp ác, cũng không vì thấy nó vô thường tạm bợ mà bi quan than thở, ngồi chờ chết. Biết thân này vô thường tạm bợ, phải cấp thiết lợi dụng thân này làm tất cả mọi việc hữu ích. Lo tu hành để mình được giác ngộ giải thoát mọi khổ đau và giúp người cũng được giác ngộ giải thoát khổ đau hoàn toàn.

Người sống được như vậy là người giác ngộ, biết đúng ý nghĩa về thân này và có thái độ sống hợp đạo.

Đó là điều căn bản của người tu theo đạo Phật./.